LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay,vấn dề mà doanh nghiệp chú trọng trước tiên đó chính là hiệu quả kinh tế mang lại từ hoạt động sản xuất kinh doanh .Đây là sự so sánh toàn bộ chi phí bỏ ra và kết quả thu lại được .Muốn làm được điều này đòi hỏi mỗi chúng ta phải có kiến thức sâu rộng về hoạt động sản xuất và quản lý.

Tiêu thụ hàng hoá là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh ,nó có vị trí đặc biệt đối với mỗi doanh nghiệp ,nó góp phần to lớn đến sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp.Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay,khâu tiêu thụ hàng hoá của quá trình sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp gắn liền với thị trường,luôn vận động và phát triển theo sự biến động phức tạp của các doanh nghiệp.

Chính vì vậy ,công tác tiêu thụ hàng hoá luôn được nghiên cứu.Bổ sung để hoàn thiện hơn về lý luận thực tiễn ,nhằm mục đích không ngừng nâng cao hiệu quả hiệu quả kinh doanh,hiệu quả quản lý.

Trong những năm gần đây ,từ khi thực hiện chính sách mở của của việt nam đã thiết lập mối quan hệ hợp tác thương mại với nhiều nước trên thế giới.vì vậy ,hàng hoá của các nước được nhập khẩu vào Việt nam với khối lượng khá lớn do đó công tác tiêu thụ hàng hoá càng phải được hoàn thiện hơn.Để tồn tại và phát triển trên thị trường ,ngoài việc cung cấp cho thị trường một khối lượng sản phẩm nhất định với chất lượng cao,chủng loại và mẫu mã phù hợp ,các doanh nghiệp cần phải thực hiện tốt công tác hạch toán tiêu thụ hàng hoá.

Xây dựng tổ chức công tác hạch toán kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc ra quyết định chỉ đạo,điều hành kinh doanh có hiệu quả .Công tác kế toán nói chung,hạch toán tiêu thụ hàng hoá nói riêng ở các doanh nghiệp đã được hoàn thiện dần.Xong mới chỉ đáp ứng được yêu cầu quản lý ở các doanh nghiệp với mức hạn chế .Bởi vậy,việc hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung ,hạch toán nói riêng luôn là mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán kế toán tiêu thụ hàng hoá và qua thời gian tìm hiểu thực tế về công tác hạch toán kế toán tại công ty TNHH việt trường ,cùng với kiến thức đã học ở trường và sự hiểu biết về nghiệp vụ kế toán nên em chọn đề tài :"Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường"làm đề tài khoá luận tốt nghiệp.

Mặc dù đã cố giắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của ban giám đốc, các cán bộ nhân viên trong công ty đặc biệt là phòng kế toán ,cùng với sự chỉ bảo của cô giáo – Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo,em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.Tuy nhiên do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu xót.Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô giáo và các bạn để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Nội dung chính khoá luận gồm ba chương.

Chương 1:Những vấn đề cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .

Chương 2 :Thực trạng công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .

Chương 3:Một số biên pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Nguyễn thị Dương

CHƯƠNG1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QỦA KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.Một số khái niệm cơ bản về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1.Doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp.

1.1.1.1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Khái niệm: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kì kế toán,phát sinh các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp ,góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

⊙Hạch toán doanh thu cần quan tâm đến một số quy định sau:

-Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác" và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

-Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải tuân theo nguyên tắc phù hợp.Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan tới việc tạo ra doanh thu đó.

- Chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng hoá khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua .

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá .Như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan tới giao dịch bán hàng.

- Khi hàng hoá ,dịch vụ được trao đổi để lấy doanh thu bán hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được coi ghi nhận vào doanh thu.

-Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu:Doanh thu bán hàng ,doanh thu cung cấp dịch vụ ,doanh thu tiền lãi ,tiền bản quyền ,cổ tức,lợi nhuận được chia.Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng khoản doanh thu ,như doanh thu bán hàng hoá,sản phẩm …,nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ ,chính xác kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý hoạt động sản xuất ,kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

-Nếu trong kì kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ dịch vụ như chiết khấu thương mại ,giảm giá hàng bán,hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần là căn cứ dể xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

-Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm giá hàng bán ,doanh thu của số hàng bán bị trả lại ,chiết khấu thương mại và số thuế TTĐB,thuế xuất khẩu hay thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp.

-Doanh thu tiêu thụ nội bộ : là số tiền thu được do bán hàng hoá sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc một công ty,tổng công ty.

-Doanh thu hoạt động tài chính Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

+Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:Tiền lãi,tiền bản quyền,cổ tức ,lợi nhuận được chia ,thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán và hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

1.1.1.2.Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng.

Doanh thu bán hàng thuần mà doanh nghiệp thu được (doanh thu thuần) có thể

thấp hơn doanh thu bán hàng .doanh thu thuần là các khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ .

Bao gồm:

-Chiết khấu thương mại :là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho người mua hàng với khối lượng lớn.Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng hàng luỹ kế mà khách hàng đã mua trong một thời gian nhất định tuỳ thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

-Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hoá kém phẩm chất ,sai quy cách hoặc lạc hậu thì hiểu như vậy,giảm giá hàng bán và chiết khấu thuơng mại cũng có bản chất như nhau.Đều giảm giá cho người mua nhưng lại phát sinh tình huống khác nhau hoàn toàn.

-Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như vi phạm cam kết ,vi phạm hợp đồng kinh tế ,hàng bị mất, kém phẩm chất,không đúng chủng loại ,quy cách ,Khi doanh nghiệp nhận giá trị hàng bị trả lại đồng thời ghi giảm tương ứng trị gía vốn hàng bán trong kỳ.

-Thuế tiêu thụ đặc biệt,thuế xuất khẩu,thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên tổng doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tuỳ thuộc vào từng mặt hàng khác nhau .Thuế TTĐB (Trường hợp được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu) phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kì theo giá bán trả ngay đã bao gồm cả thuế TTĐB (chưa bao gồm thuế GTGT).Doanh nghiệp phải xác định được phần thuế TTĐB phải nộp vào ngân sách nhà nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kì.

1.1.2.Nguyên tắc kế toán,điều kiện và thời điểm ghi nhận doanh thu trong doanh nghiệp.

1.1.2.1.Nguyên tắc kế toán.

-Đối với sản phẩm,hàng hoá,dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.Doanh thu tiêu thụ (bán hàng hoá dịch và cung cấp dịch vụ) là giá bán chưa có thuế GTGT.

-Đối với sản phẩm,hàng hoá ,dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc dối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán.

-Đối với sản phẩm,hàng hoá,dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) hoặc đối tượng chịu thuế Xuất khẩu thì doanh thu tiêu thụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTDB và thuế xuất khẩu)

-Đối với doanh nghiệp nhận gia công vật tư hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu tiêu thụ trên số tiền gia công thực tế được hưởng ,không bao gồm giá trị vật tư,hàng hoá nhận gia công.

-Đối với hàng hoá nhận bán đại lý ,ký gửi theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu tiêu thụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

-Trường hợp tiêu thụ theo phương pháp trả chậm ,trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu theo giá bán trả ngay và ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi được tính trên khoản phải trả .Nhưng trả chậm phải phù hợp với doanh thu được xác nhận.

-Nhừng sản phẩm ,hàng hoá được xác định là tiêu thụ nhưng vì lý do về phẩm chất quy cách kỹ thuật người mua từ chối hàng hoá ,gửi trả lại cho người bán và yêu cầu được giảm giá ,được doanh nghiệp chấp nhận hoặc người mua hàng với số lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại .Thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này đuợc theo dõi riêng biệt trên tài khoản 531-Hàng bán bị trả lại,Tài khoản 532-Giảm giá hàng bán và tài khoản 521-Chiết khấu thương mại.

-Trường hợp doanh nghiệp đã viết hoá đơn và đã thu tiền nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng ,thì giá trị số hàng này không được coi là tiêu

thụ và không hạch toán vào tài khoản 511-Doanh thu bán hàng vả cung cấp dịch vụ mà chỉ hạch toán vào bên có của Tài khoản 131-Phải thu khách hàng về số tiền đã thu của khách hàng.Khi thực hiện giao hàng cho người mua hàng thì hạch toán vào tài khoản 511về giá trị hàng đã giao,đã thu trước tiền hàng phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu .

-Đối với trường hợp cho thuê tài sản cố định có nhận tiền thuê trước nhiều năm thì doanh thu tiêu thụ ghi nhận của năm tài chính là tổng số tiền cho thuê xác định trên cơ sở .lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia đều cho các năm thuê tài sản.

Không hạch toán vào doanh thu tiêu thụ các trường hợp sau:

+Trị giá vật tư ,hàng hoá ,bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến .

+Trị giá sản phẩm,bán thành phẩm dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty,tổng công ty hạch toán ngành.

+Số tiền thu được từ thanh lý nhượng bán.

+Trị giá sản phẩm ,hàng hoá đang gửi bán ,dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được người mua chấp nhận thanh toán.

+Trị giá hàng tiêu thụ theo phương pháp gửi đại lý ,ký gửi chưa được xác định là tiêu thụ.

+Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng.

1.1.2.2.Điều kiện và thời điểm ghi nhận doanh thu.

-Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 (QĐ149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 Bộ tài chính) “Doanh thu và các thu hập khác”,các chuẩn mực khác có liên quan.

-Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp .Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải nghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

-Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá khi thoả mãn đồng thời năm điều kiện sau:

+Doanh nghiệp đã trao phần lớn rui ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc sản phẩm hàng hoá cho người mua.

+Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua .

+Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+Xác định được chi phí liên quan tới giao dịch mua hàng.

-Doanh thu của các giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận kết quả của giao dịch được xác dịnh một cách đáng tin cậy .Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó .Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãm bốn điều kiện sau.

+Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ việc thực hiện giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán(CĐKT)

+Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

-Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không ghi nhận doanh thu.

1.1.3.Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

Chi phí kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong một thời kì nhất định(Tháng,quý,năm)

- Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

+Chi phí sản phẩm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ,chi phí nhân công trực tiếp,chi phí sản xuất chung là những chi phí trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm,là cơ sở để tính giá thành sản phẩm.Khi sản phẩm được xuất bán thì nó biểu hiện thông qua giá vốn của hàng hoá ,sản phẩm.

+Giá vốn hàng bán: Là trị giá vốn của sản phẩm ,vật tư ,hàng hoá,lao vụ,dịch vụ tiêu thụ thì giá vốn là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng hay chi phí sản xuất).Với vật tư tiêu thụ giá vốn là giá trị ghi sổ,còn hàng hoá tiêu thụ thì giá vốn bao gồm trị giá hàng mua tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ thẳng cho tiêu thụ.

- Chi phí thời kì:Là những chi phí làm giảm lợi tức trong một thời kỳ nào đó,nó không phải là một phần giá trị sản phẩm được sản xuất ra hoặc được mua nên được xem là các phí tổn cần được trừ vào kết quả của các kỳ mà chúng phát sinh.Chi phí thời kì bao gồm:Chi phí bán hàng,chi phí quản lý doanh nghiệp.

+Chi phí bán hàng:Là toàn bộ các chi phí phát sinh trong qúa trình bán sản phẩm, hàng hoá,dịch vụ.

+Chi phí quản lý doanh nghiệp:Là toàn bộ chi phí liên quan tới hoạt động quản lý kinh doanh ,quản ký tài chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

1.1.4.Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm :Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh,kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

-Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là toàn bộ chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả hàng hoá bất động sản đầu tư và dịch vụ ,giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp ,chi phí liên quan tới hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như chi phí khấu hao,chi phí sửa chữa ,nâng cấp,chi phí cho thuê hoạt động ,chi phí thanh lý,nhượng bán bất động sản đầu tư),chi phí bán hàng,chi phí quản lý doanh nghiệp.

-Kết quả hoạt động tài chính:Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí của hoạt động tài chính.

-Kết quả của hoạt động khác:Là chênh lệch giữa thu nhập khác chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2.Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1.Vai trò của kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh .

- Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp .Trước hết doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh ,đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.Doanh thu là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như : nộp các khoản thuế theo quy định,là nguồn để có thể tham gia góp vốn cổ phần ,tham gia liên doanh ,liên kết với các đơn vị khác.Trường hợp doanh thu không đảm đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ khó khăn về tài chính.Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản.

-Để thực hiện quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ ,doanh nghiệp phải chi ra các khoản chi phí .Đó là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong kì dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra .các khoản khấu trừ vào tài sản hoặc chi phí phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu.

-Kế toán xác định kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung.Trong việc xác định lượng hàng hoá tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ trực tiếp trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp.Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kì.Biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra chiến lược kinh doanh cụ thể trong các chu kì kinh doanh tiếp theo .Mặt khác việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp.Do đó đòi

hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của mình.

1.2.2.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy được vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh doanh chủ yếu thực hiện nhiệm vụ sau.

-Lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nhgiệp vụ kinh tế phát sinh như :Mở sổ kế toán tổng hợp ,sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hoá tiêu thụ,ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng bán (Gía bán,doanh thu thuần).

-Phân bổ chi phí mua hàng cho số hàng đã bán trong kì và lượng hàng tồn cuối kỳ.

-Kế toán quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hoá ,phát hiện xử lý kịp thời hàng ứ đọng .

-Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hoá.

-Xác định kết quả hàng bán và thực hiện chế độ báo cáo hàng bán,báo cáo hàng hoá.

-Theo dõi và thanh toán kịp thời công nợ với nhà cung cấp và khách hàng.

-Theo dõi và phản ánh các khoản thu nhập chi phí hoạt động tài chính khác phát sinh trong kì.

-Tính toán và phản ánh chính xác đầy đủ ,kịp thời kết quả hoạt động khác.

1.3.Kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1.Doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.3.1.1.Các phương thức bán hàng.

Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho sản phẩm, hàng hoá.Đồng thời có tính chất quyết

định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận.Hiên nay các doanh nghiệp đang vận dụng các phương thức bán hàng chủ yếu sau:

1.3.1.1.1.Phương thức bán hàng trực tiếp.

Tiêu thụ trực tiếp là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho (hoặc trực tiếp tại phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp .Hàng hoá khi bàn giao cho khách hàng được khách hàng trả tiền hay chấp nhận thanh toán ,số hàng hoá này chính tức coi là tiêu thụ thì khi đó doanh nghiệp bán hàng mất quyền sở hữu về hàng hoá đó.phương thức này gồm hình thức bán buôn và bán lẻ.

-Bán buôn :Là quá trình bán hàng cho các đợn vị sản xuất ,các đơn vị kinh doanh thương mại để tiếp tục đưa vào quá trình sản xuất ,gia công chế biến tạo ra sản phẩm mới hoặc tiếp tục được chuyển bán .Đặc trưng của phương thức này là kết thúc nghiệp vụ bán hàng .Hàng hoá bán theo phương thức này thường là khối lượng lớn và nhiều hình thức thanh toán .Do đó ,muốn quản lý tốt thì phải lập chứng từ cho từng lần bán.

Khi thực hiện bán hàng ,bên mua sẽ có người đến nhận hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp .Khi người nhận đủ hàng và ký xác nhận lên chứng từ bán hàng thì số hàng đó không thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nữa mà được coi là hàng đã bán.Khi bên mua chấp nhận trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì doanh nghiệp hạch toán vào doanh thu và doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

-Bán lẻ :Theo hình thức này bên bán,bán trực tiếp cho người tiêu dùng .Bán lẻ là giai đoạn cuối cùng trong quá trình vận động của hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ.Đối tượng bán lẻ là mọi cá nhân trong và ngoài nước muốn có một giá trị sử dụng nào đó .Đặc trưng của phương pháp này là kết thúc nghiệp vụ bán hàng thì sản phẩm rời khỏi lĩnh vực lưu thông đi vào lĩnh vực tiêu dùng ,giá trị sử dụng của sản phẩm đó được thực hiện .Hàng bán lẻ thường có khối lượng nhỏ và thanh toán ngay.

1.3.1.1.2.Phương thức bán gửi hàng.

Theo phương thức này ,doanh nghiệp chở hàng đi gửi các cửa hàng để bán hộ .Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng được chấp nhận đó mới chính thức được được coi là tiêu thụ (Doanh nghiệp được nghi nhận giá vốn,giá bán).

1.3.1.1.3.Phương thức bán hàng qua đại lý(ký gửi)

Hàng hoá gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và chưa được coi là tiêu thụ.Doanh nghiệp chỉ được hạch toán vào doanh thu khi bên nhận đại lý thanh toán tiền hoặc chấp nhận thanh toán.Khi bán được hàng thì doanh nghiệp phải trả cho người nhận làm đại lý một khoản tiền gọi là hoa hồng .khoản tiền này được coi như là một phần chi phí bán hàng.

1.3.1.1.4.Phương thức bán hàng trả chậm.

Theo phương thức này khi bán hàng doanh nghiệp chỉ thu một phần tiền còn lãi sẽ thu dần.Tiền thuế GTGT được tính trên giá bán trả tiền ngay một lần ,còn tiền lãi được tính trên số tiền bán chịu.

-Hàng bán trả góp ,trả chậm là phương thức bán hàng nhiều lần ,người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua .Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi xuất nhất định.Xét về bản chất chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu .Vì vậy ,doanh nghiệp thu nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay và nghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính phần lãi trả chậm tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

1.3.1.1.5.Phương thức tiêu thụ nội bộ .

Theo phương thức này,các cơ sở sản xuất kinh doanh khi xuất hàng hoá điều chuyển cho các cơ sở ,hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh ,của hàng…,ở các địa phương để bán hoặc xuất diều chuyển giữa các chi nhánh ,các đơn vị phụ thuộc về cơ sở sản xuất kinh doanh.

1.3.1.2.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .

1.3.1.2.1.Các chứng từ sử dụng:

-Hoá đơn GTGT

-Hoá đơn bán hàng thông thường

-Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

-Phiếu thu tiền mặt

-Biên lai thu tiền

-Sổ phụ ngân hàng…

1.3.1.2.2.Tài khoản sử dụng.

⊙Tài khoản (TK) 511:Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

-TK511:Doanh thu bán hàng hoá

-TK5112:Doanh thu bán các thành phẩm

-TK5113:Doanh thu cung cấp dịch vụ

-TK5114:Doanh thu trợ cấp thất nghiệp

-TK5117:Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

***Kết cấu và nội dung phản ánh của TK511**

Bên nợ:

Số thuế tiêu thụ đặc biệt ,hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm ,hàng hoá,dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

-Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

-Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

-Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

-Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

-Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911" Xác định kết quả kinh doanh"

Bên có:

Doanh thu bán sản phẩm,hàng hoá ,bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

⊙Tài khoản(TK)512:Doanh thu bán hàng nội bộ

-TK5121:Doanh thu bán hàng hoá

-TK5122:Doanh thu bán hàng thành phẩm

-TK5123:Doanh thu cung cấp dịch vụ

***Kết cấu và nội dung phản ánh của TK512**

Bên Nợ:

-Trị giá hàng bán bị trả lại ,khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm ,hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ ké toán;

-Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm,hàng hoá,dịch vụ đã bán nội bộ;

-Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm ,hàng hoá,dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

-Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vàoTK911"Xác định kết quả kinh doanh".

Bên có:

-Tổng doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị trực thuộc trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ1.1:Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

"Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ"

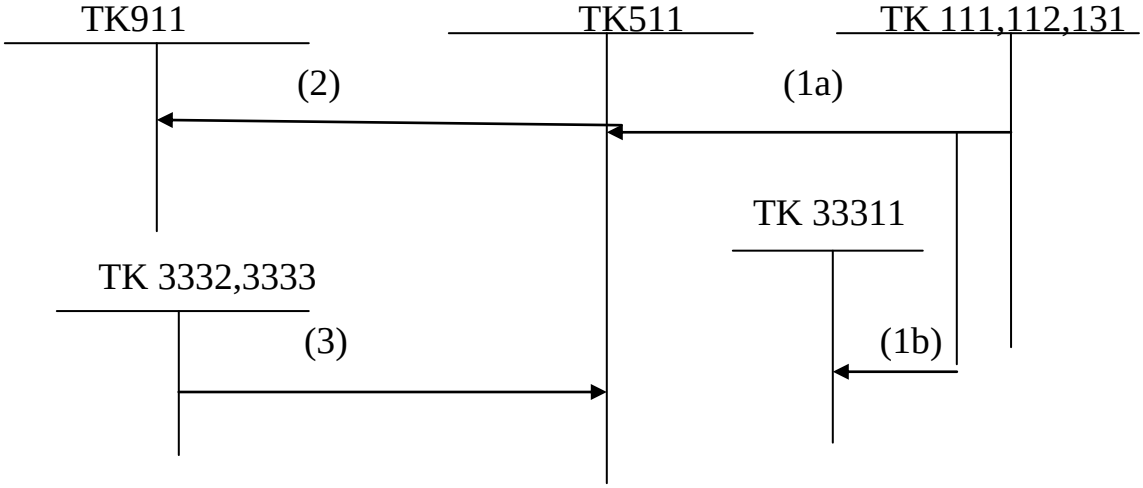

Ghi chú:

(1a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

(1b) Thuế GTGT đầu ra do bán sản phẩm hàng hoá

(2) Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần

(3) Kết chuyển thuế TTĐB,Thuế xuất khẩu đối với đối tượng chịu thuế

Sơ đồ 1.2:Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ "Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp".

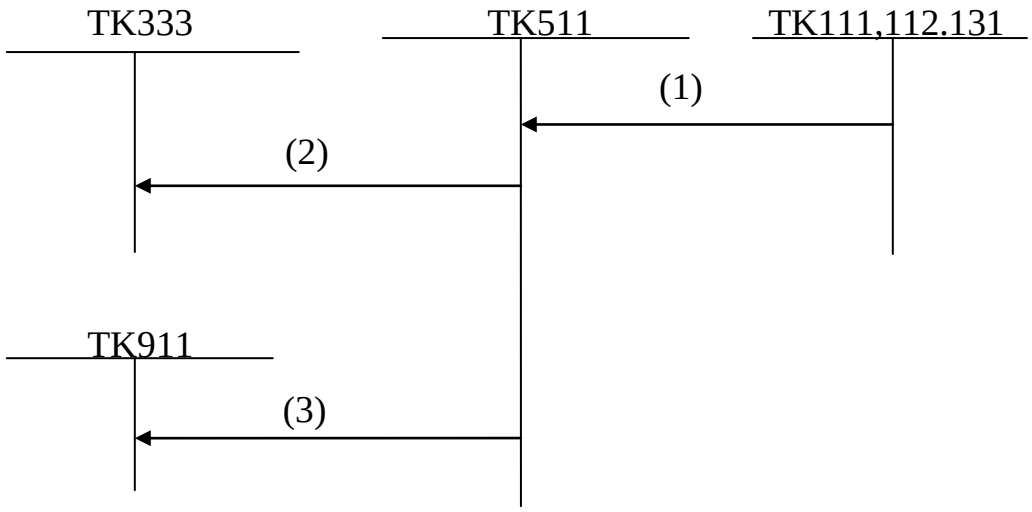

Ghi Chú:

(1) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

(2) Thuế GTGT,Thuế xuất khẩu,Thuế TTĐB phải nộp và ngân sách nhà nước

(3) Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần.

Sơ đồ 1.3 Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ.

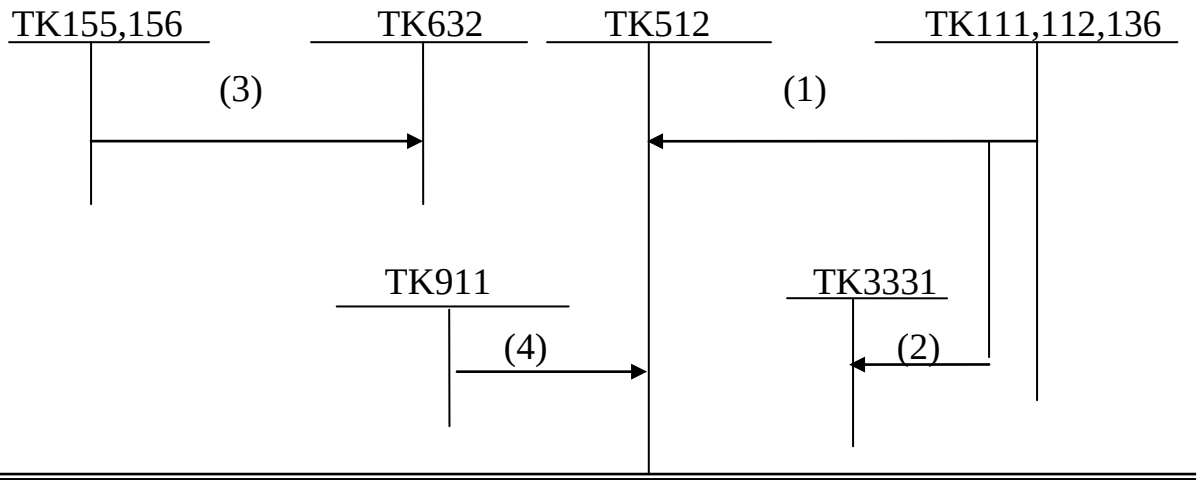

Ghi chú:

(1) Doanh thu tiêu thụ nội bộ của sản phẩm hàng hoá tiêu thụ nội bộ

(2) Thuế GTGT của sản phẩm ,hàng hoá tiêu thụ nội bộ

(3) Trị giá vốn của sản phẩm ,hàng hoá xuất bán

(4) Kết chuyển doanh thu thuần.

1.3.1.3 .Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.3.1.3.1.Tài khoản sử dụng:

-TK521:Chiết khấu thương mại.

-TK531:Hàng bán Bị tả lại

-TK532:Giảm giá hàng bán

*Kết cấu của các tài khoản này:

+TK521-Chiết khấu Thương mại

Bên Nợ:

-Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên Có:

-Cuối kỳ kế toán ,kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 " doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại Không có số dư cuối kỳ.

+TK531 – Hàng bán bị trả lại

Bên Nợ:

-Doanh thu của hàng bán bị tả lại ,đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hoá,đã bán.

Bên Có:

-Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ của tài khoản 511" doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài Khoản 531 – Hàng bán bị trả lại không có số dư cuối kỳ

+TK532 - Giảm gia hàng bán

Bên Nợ:

-Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém,mất phẩm chất hoạc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

-Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản "doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc TK" Doanh thu bán hàng nội bộ"

Tài khoản 532 – Không có số dư cuối kỳ.

1.3.1.3.2.Trình tự ghi sổ

Sơ đồ 1.4 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

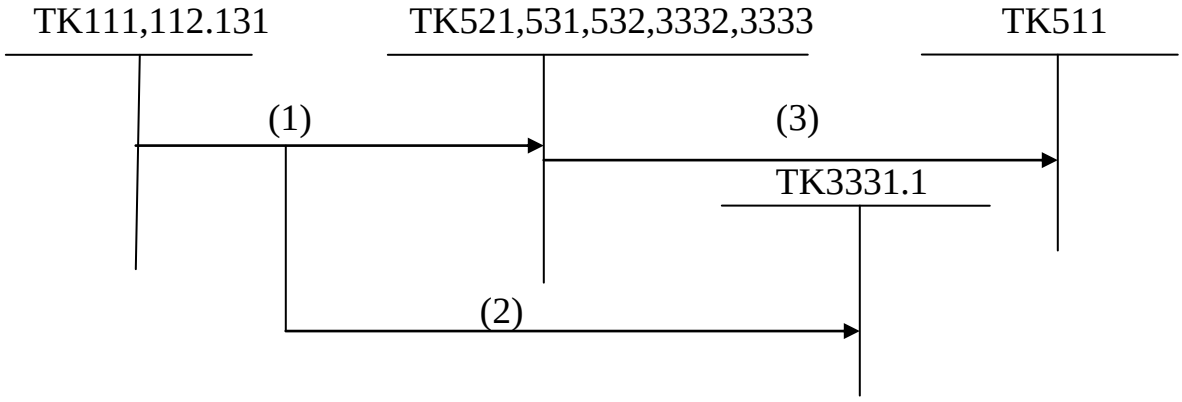

Ghi chú:

(1) Các khoản giảm trừ doanh thu

(2) Thuế GTGT và các khoản giảm trừ doanh thu

(3) Cuối kỳ kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu.

1.3.2.Kế toán giá vốn bán hàng.

1.3.2.1.Phương pháp xác định giá vốn

⊙Phương pháp thực tế đích danh:

-Theo phương pháp này trị giá thực tế của hàng xuất kho được xác định trên giá của chính hàng hoá đó.Khi xuất kho hàng hoá căn cứ vào hoá đơn giá của lô hàng đó.Đây là phương pháp cho kết quả chính xác nhất trong các phương pháp. Tuy nhiên,phương pháp này chỉ phù hợp với doanh nghiệp ít mặt hàng ,ít chủng loại

,hàng có giá trị cao như các mặt hàng trang sức đắt tiền,ôtô,xe máy…

⊙Phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp này tính trị giá thực tế hàng xuất kho trên giá trị hàng hoá nào nhập trước thì xuất trước .Xuất hết phần vật liệu,hàng hoá nhập trước mới tính đến phần nhập sau.

⊙Phương pháp nhập sau xuất trước.

Theo phương pháp này tính trị giá vật liệu,hàng hoá xuất kho trên giá định của hàng hoá nào nhập sau thì xuất ra trước .Xuất hết vật liệu,hàng hoá nhập sau mới tính dến vật liệu hàng hoá nhập trước.

⊙Phương pháp bình quân gia quyền.

*Phương pháp này thì kế toán sẽ căn cứ vào số lượng đơn giá của hàng hoá vật tư mua vào trong kỳ ,để tính ra giá đơn vị bình quân gia quyền cho hàng hoá, vật tư xuất ra trong kỳ theo công thức:

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Trị giá của hàng hoá,vật tư tồn đầu kỳ+Trị giá vật tư hàng hoá nhập vào trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá,vật tư tồn đầu kỳ+Số lương hàng hoá vật tư nhập vào trong kỳ}}$$

*Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Theo phương pháp này thì kế toán sẽ căn cứ vào sổ lượng đơn giá của hàng hoá,vật tư mua vào từng lần nhập ,để phản ánh trị giá đơn vị bình quân của hàng hoá vật tư xuất ra sau mỗi lần nhập theo công thức:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng hoá,vật tư tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

1.3.2.2.Chứng từ sử dụng và tài khoản sử dụng trong kế toán giá vốn bán hàng tại doanh nghiệp.

*Chứng từ sử dụng .

Khi các nghiệp vụ về kế toán bán hàng và thanh toán tiền hàng với người mua thì phải có các chứng từ phù hợp để phản ánh chính xác kịp thời tình hình bán hàng và

thanh toán .Đồng thời là cơ sở pháp lý để ghi sổ kế toán .Tuỳ theo phương thức bán hàng ,kế toán tiêu thụ sử dụng các chứng từ kế toán sau :

-Phiếu Xuất kho

-Hoá đơn bán hàng giao thẳng

-Báo cáo bán hàng

-Bảng kê bán lẻ hàng hoá hàng hoá dịch vụ

-Bảng thanh toán hàng đại lý

-Các chứng từ khác có liên quan.

*Các chứng từ phải đảm bảo tính hợp pháp,hợp lệ thì mới được phép ghi sổ kế toán.

*Tài khoản sử dụng

-Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán sử dụng TK 632-Giá vốn bán hàng.

***Kết cấu TK 632-Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Bên Nơ:

+Trị giá vốn của của sản phẩm, hàng hoá ,dịch vụ đã bán trong kỳ .

+Chi phí nguyên liệu ,vật liệu ,chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố đinh không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

+Các khoản hao hụt ,mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra ;

+Chi phí xây dựng ,tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây đựng, tự chế hoàn thành;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư ,phản ánh:

+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ :

+ Chi phí sủa chữa ,nâng cấp ,cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư .

+ Chi phí phát sinh từ từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ

+Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán,thanh lý trong kỳ

+Chi phí của nghiệp vụ bán,thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

-Kết chuyển giá vốn của sản phẩm,hàng hoá,dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911"Xác định kết quả kinh doanh ";

-Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

-Khoản hoàn nhập dư phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

-Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

***Kết cấu của TK632 –Trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

⊙Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại.

Bên nợ:

-Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ .

-Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tòn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

-Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ;

-Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên nợ TK911 "Xác định kết quả kinh doanh"

⊙ Đối với Doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

Bên nợ:

-Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ .

-Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

-Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ hoàn thành.

Bên có:

-Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK155 "Thành phẩm";

-Hoàn thành dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

-Kết hợp giá vốn của thành phẩm đã xuất bán ,dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên nợ TK911"Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 632 –Giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.5.Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

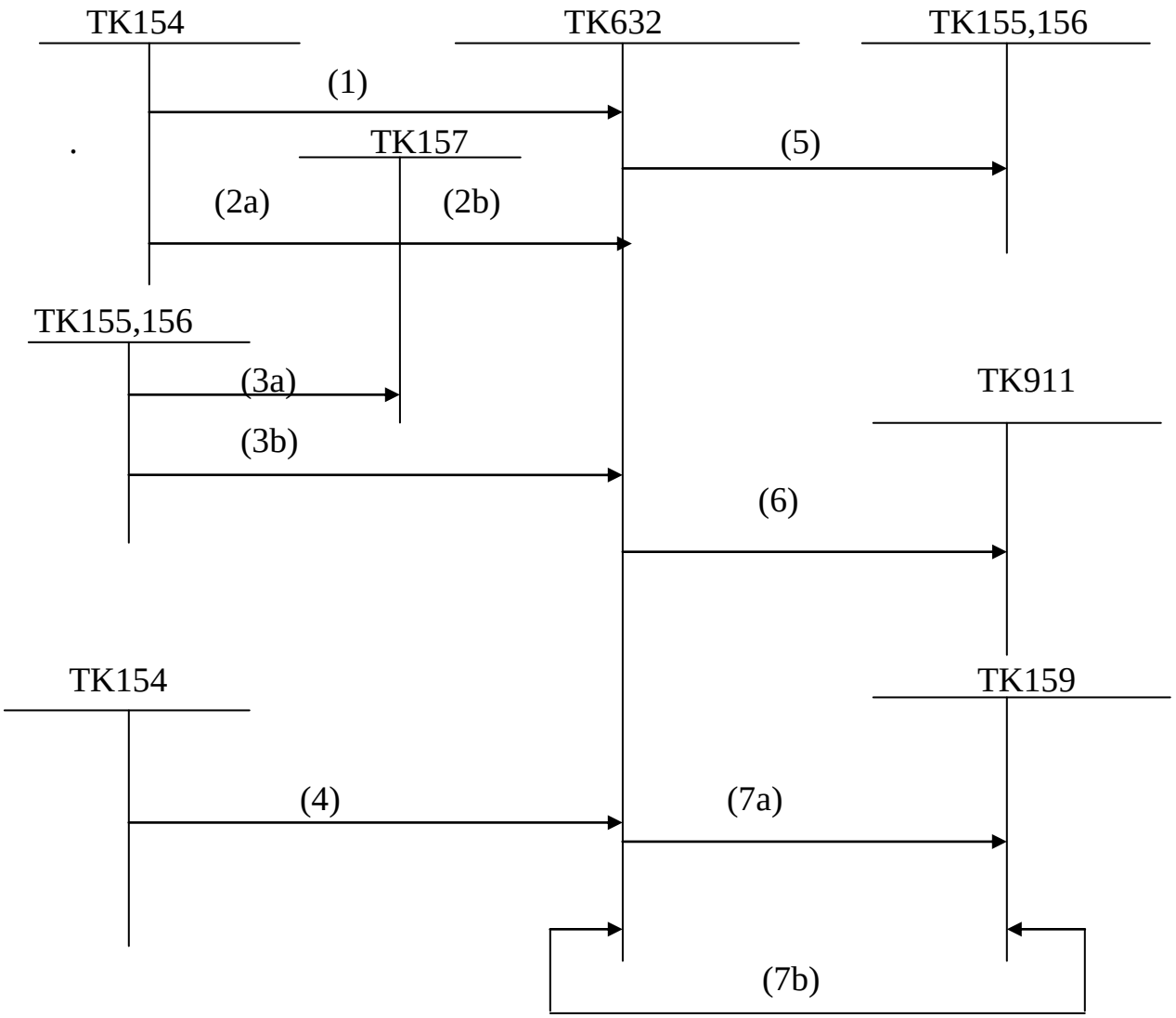

Ghi chú:

(1a) Thành phẩm sản xuất và tiêu thụ ngay không qua nhập kho

(2a) Thành phẩm sản xuất ra gửi đi bán không qua nhập kho

(2b) Hàng gửi đi bán được xác định là tiêu thụ

(3a) Thành phẩm hàng hoá xuất kho gửi đi bán

(3b) Xuất bán trực tiếp thành phẩm hàng hoá

(4) Cuối kỳ kết chuyển giá thành dịch vụ hoàn tất trong kỳ

(5)Thành phẩm,hàng hoá đã bán bị trả lại nhập kho

(6)Cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng bán của hàng hoá,thành phẩm,dich vụ tiêu thụ trong kỳ.

(7a)Hoàn tất dự phòng giảm giá hàng tồn kho ,trích lập dự phòng

(7b) Giảm giá hàng tồn kho

Sơ đồ 1.6:Kế toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kiêm kê định kỳ.

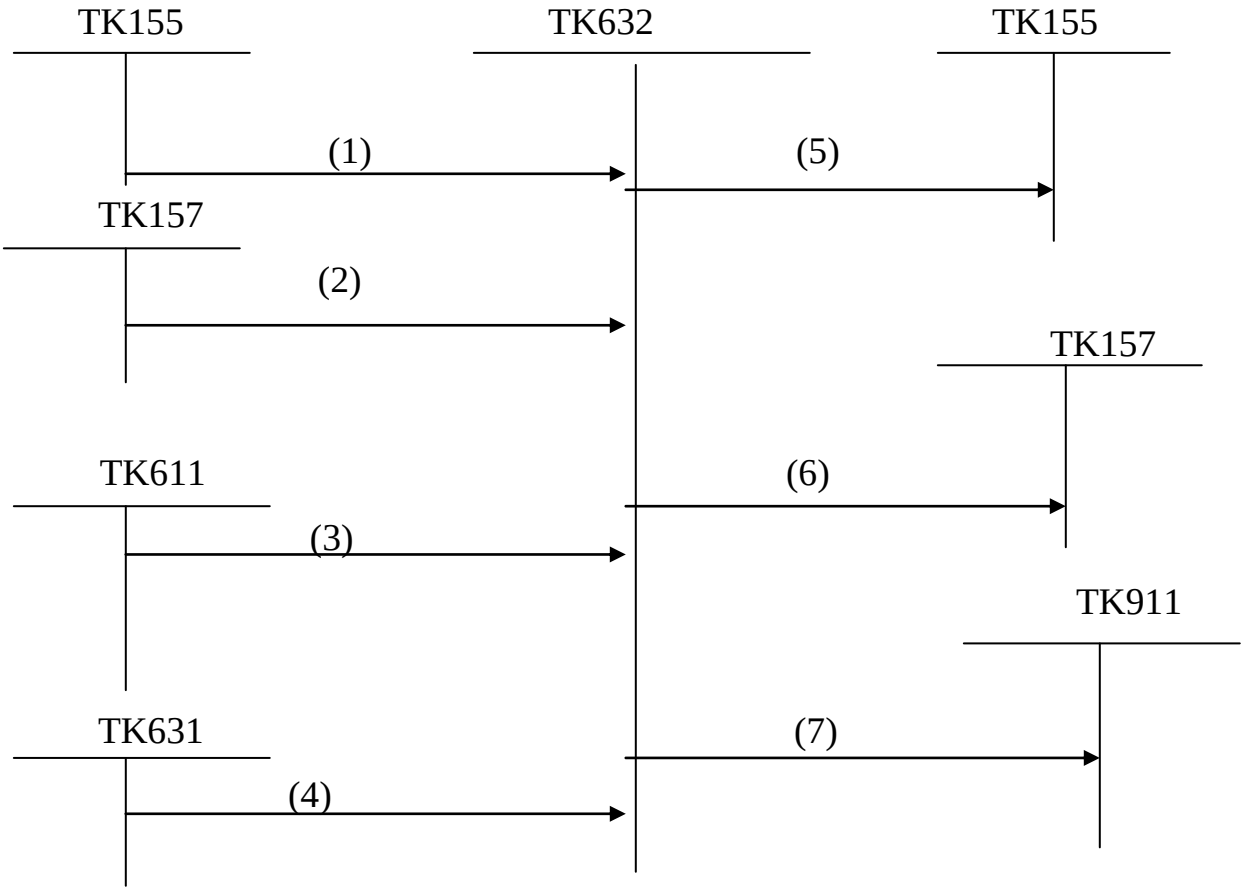

Ghi chú:

(1) Đầu kỳ,kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ

(2) Đầu kỳ ,kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã gửi bán chưa xác định là tiêu thụ đầu kỳ.

(3) Cuối kỳ xác định và kết chuyển trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán đã được xác định là tiêu thụ.

(4) Cuối kỳ ,xác định và kết chuyển giá thành của thành phẩm nhập kho ,giá dịch vụ đã hoàn thành .

(5) Cuối kỳ,kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ

(6) Cuối kỳ, kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ.

(7) Cuối kỳ kết chuyển giá vốn hàng bán,thành phẩm hàng hoá ,dịch vụ đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

1.3.3.Kế toán chi phí bán hàng chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.3.1.Kế toán chi phí bán hàng

+Tài Khoản sử dụng: TK641 –"Chi phí bán hàng"

+Tài khoản này phản ánh những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bảo quản và tiến hành hoạt động bán hàng như :Chi phí chào hàng,chi phí bảo hành sản phẩm,hàng hoá…

+ TK641 gồm 7 tài khoản cấp 2:

-TK6411: Chi phí nhân viên

-TK6412: Chi phí vật liệu ,bao bì

-TK6413: Chi phí công cụ ,dụng cụ

-TK6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định

-TK6415: Chi phí bảo hành

-TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài

-TK6418: Chi phí bằng tiền khác

***Kết Cấu của TK 641**

Bên Nợ:

-Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm,hàng hoá,cung cấp dịch vụ .

Bên có:

-Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"để tính kết quả kinh doanh trong kỳ,

Tài khoản641 không có số dư cuối kỳ.

1.3.3.2.Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

+Tài khoản sử dụng :TK642-"Chi phí quản lý doanh nghiệp"

+ TK này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên và các khoản trích theo lương,chi phí vật liệu văn phòng,khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp…

+TK 642: Gồm 8 tài khoản cấp 2

- TK6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK6423: Chi phí đồ dùng quản lý văn phòng
- TK6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK6425: Thuế,phí và lệ phí
- TK6426: Chi phí dự phòng
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6428: Chi phí bằng tiền khác

***Kết cấu của tài khoản 642**

Bên nợ:

-Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;

-Số dự phòng phải thu khó đòi ,dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

-Dự phòng trợ cấp mất việc làm .

Bên Có:

-Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi ,dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

-Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

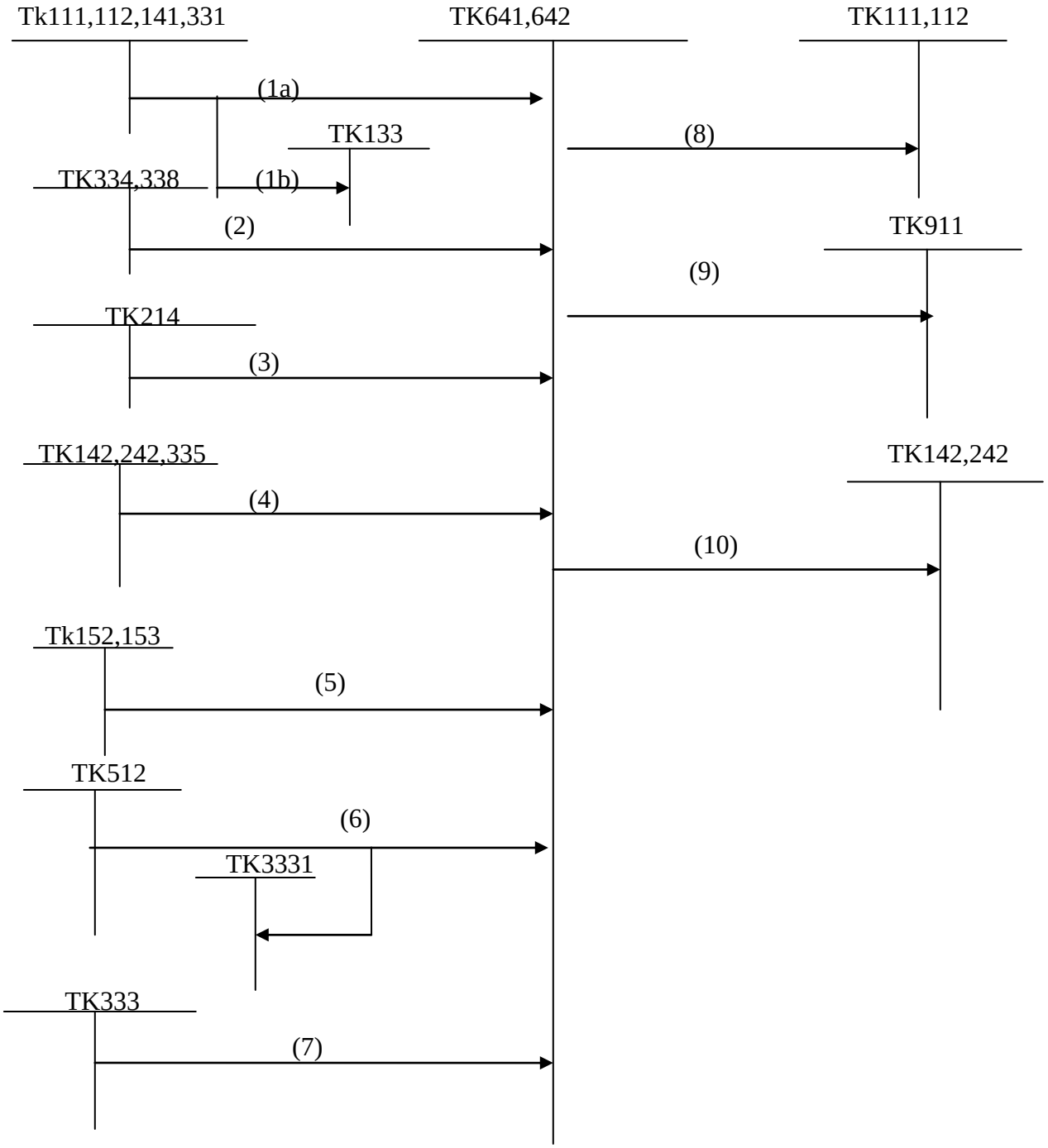

Ghi chú

(1a,1b) :Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

(2) : Chi phí tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương

(3) : Chi phí khấu hao tài sản cố định

(4) : Chi phí phân bổ dần chi phí trích trước

(5) : Chi phí vật liệu,dụng cụ xuất dùng

(6) : Thành phẩm, hàng hoá,dịch vụ tiêu dùng nội bộ

(7) : Thuế môn bài ,tiền thuế đất phải nộp nhân sách nhà nước

(8) : Các khoản giảm chi

(9) : Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp ,chi phí bán hàng.

(10): Hoàn nhập các khoản chi phí trích trước,

1.3.4.1.Kế toán chi phí hoạt động tài chính

+Tài khoản sử dụng :TK635- "Chi phí hoạt động tài chính"

+Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động khác hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính ,chi phí cho vay và đi vay vốn ,chi phí góp vốn liên doanh ,liên kết,lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn ….dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán,lỗ tỷ giá hối đoái…

***Kết cấu Tài khoản 635**

Bên Nơ:

- Chi phí lãi tiền vay ,lãi mua hàng trả chậm ,lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua ;
- Các khoản lỗ do thanh lý,nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - Gai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành vào chi phí tài chính :

-Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh .

Tài khoản 635- Chi phí tài chính: Không có số dư cuối kỳ.

1.3.4.2.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

+ Tài khoản sử dụng : TK515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

+Tài khoản này phản ánh doanh thu tiền lãi ,tiền bản quyền ,tiền cổ tức ,lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

***Kết cấu của tài khoản:**

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911-"Xác định kết quả kinh doanh"

Bên Có:

- Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia;

- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con ,công ty liên doanh,công ty liên kết;

- Chiết khấu thanh toán được hưởng ;

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ ;

- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt dộng đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515-Doanh thu tài chính:Không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ1.8:Kế toán chi phí hoạt động tài chính và doanh thu hoạt động tài chính.

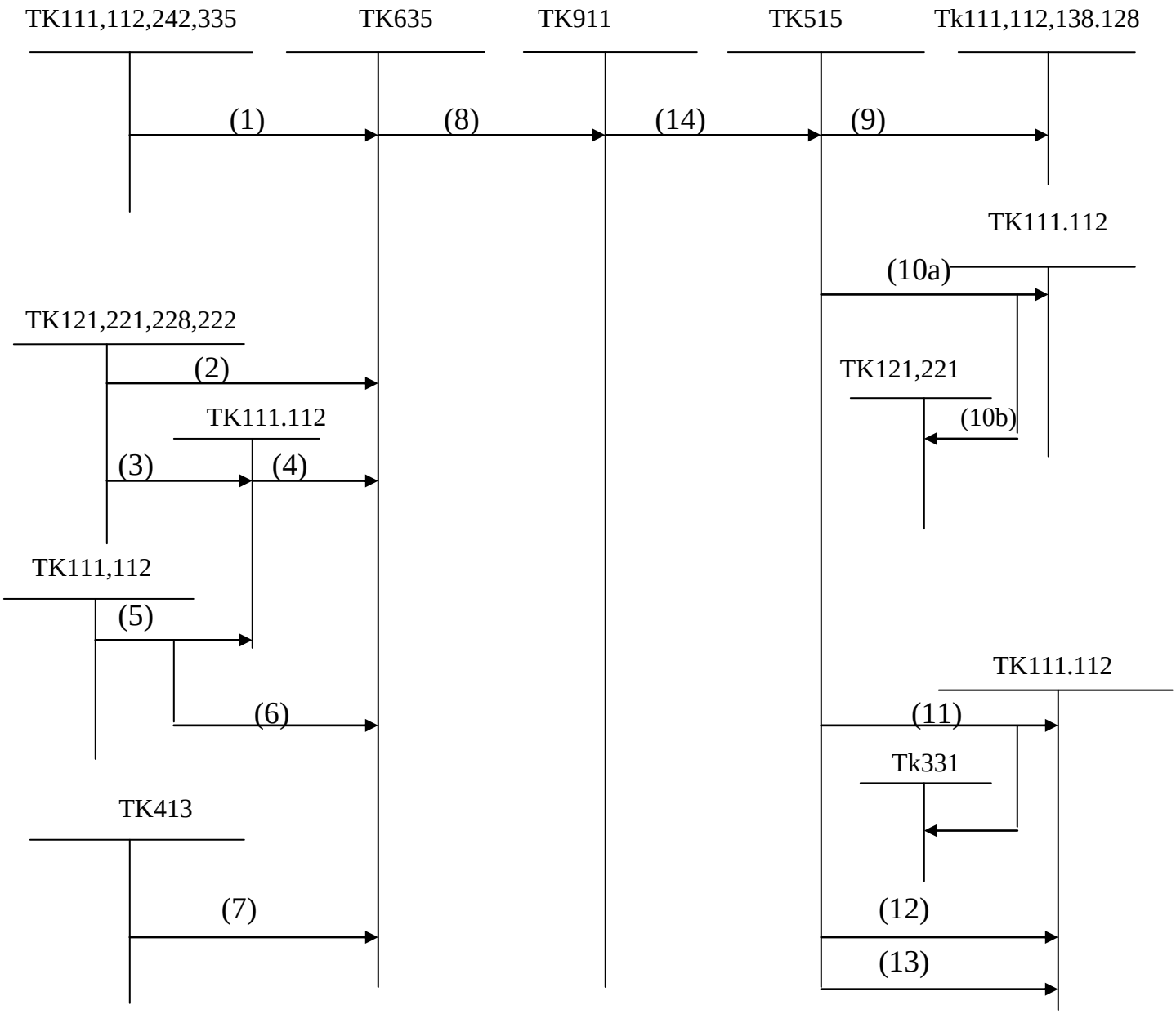

Ghi Chú:

(1): Trả tiền vay,phân bổ tiền mua hàng trả chậm,trả góp

(2): Lỗ về các khoản đầu tư

(3): Tiền thu về bán cho các khoản đầu tư

(4): Chi phí hoạt động liên doanh liên kết

(5): Bán ngoại tệ

(6): Lỗ về bán ngoại tệ

(7): Kết chuyển lỗ chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ

(8): Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính.

(9): Các khoản thu nhập được chia từ hoạt động liên doanh liên kết .Định kỳ thu lãi tín phiếu ,trái phiếu cổ tức được hưởng.

(10a): Tiền lãi khi thanh toán chuyển nhượng

(10b): Lãi bán ngoại tệ

(11): Thu nhập cho thuê TSCĐ hoạt động,thuê tài chính,bán bất động sản…

(12): Chiết khấu thanh toán khi mua hàng

(13): Tiền lãi cho vay

(14): Kết chuyển các khoản thu nhập hoạt động tài chính

1.3.5.1.Kế toán chi phí khác.

+ Tài khoản sử dụng :TK811- "Chi phí khác"

+ Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra .Cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

***Kết cấu của tài khoản 811-Chi phí khác.**

Bên Nợ

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên có

- Cuối kỳ ,kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911"Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản 811-Chi phí khác không có số dư cuối kỳ.

1.3.5.2.Kế toán thu nhập khác.

+ Tài khoản sử dụng :TK711-“ Thu nhập khác”

+ Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ,các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Kết cấu của tài khoản này:**

Bên nợ

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán ,kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911”Xác định doanh thu “

Bên có :

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711- Không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ1.9.Kế toán chi phí khác.thu nhập khác

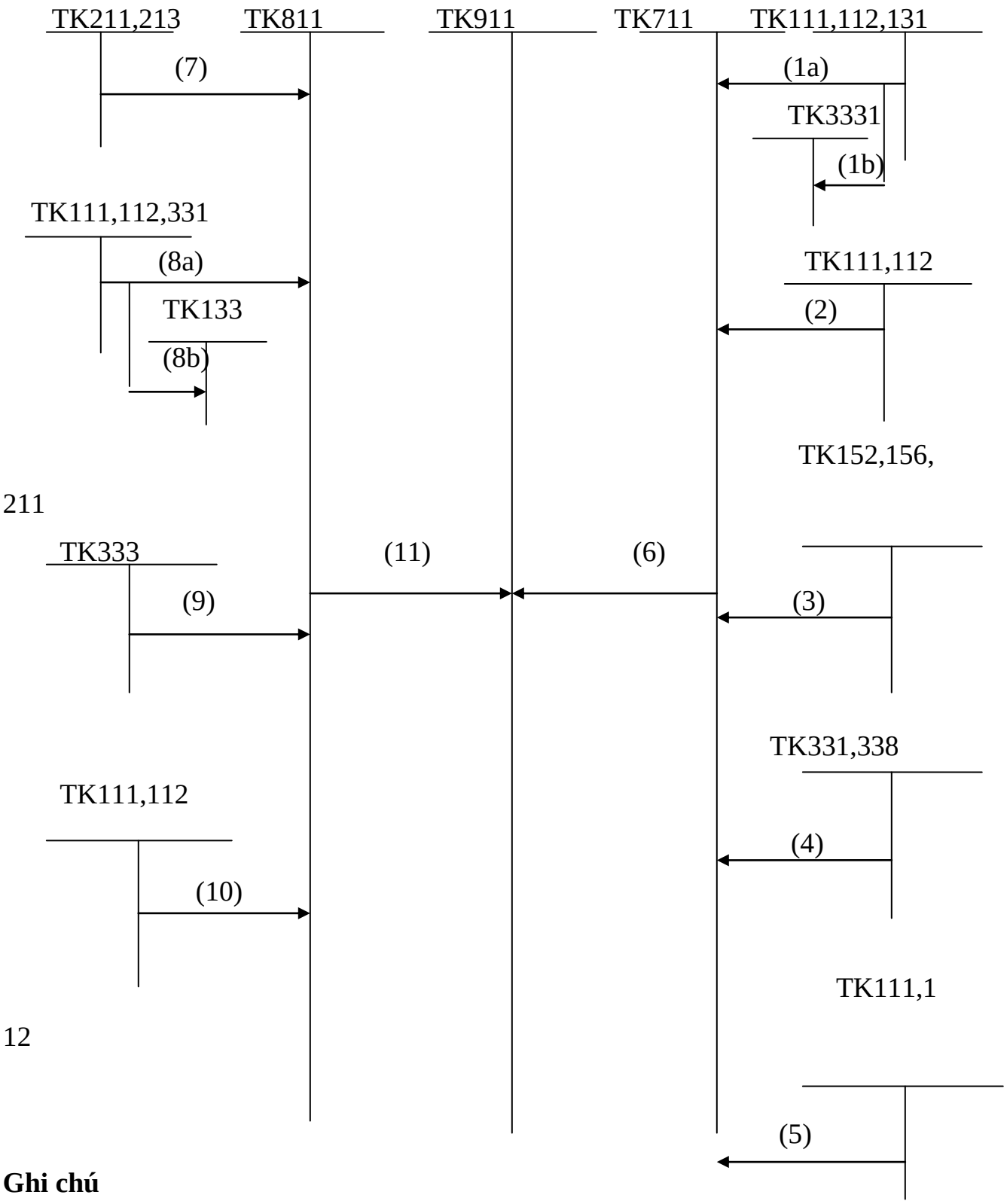

Ghi chú

(1a) Thu nhập từ thanh lý tài sản

(1b) Thuế GTGT

(2): Thu tiền phạt từ khách hàng do vi phạm hợp đồng ,thu hồi các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.

(3): Được tài trợ ,biếu tặng vật tư, hàng hoá,TSCĐ

(4): Các khoản nợ phải trả chưa xác định được chủ nợ ,quyết định xoá ghi vào thu nhập khác.

(5): Các khoản hoàn nhập thuế xuất khẩu,nhập khẩu,thuế TTĐB được tính vào thu nhập khác.

(6): Cuối kỳ kết chuyển thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

(7): Giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý nhượng bán .

(8a): Chi phí phát sinh cho hoạt động nhượng bán

(8b): Thuế GTGT đầu vào của chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý nhượng bán.

(9): Các khoản tiền bị phạt thuế,truy nộp thuế.

(10): Các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc vi phạm luật.

(11): Cuối kỳ kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kỳ

1.3.6.Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Tài khoản sử dụng : TK821-"Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp"

+ Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ,bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ,phát sinh trong năm tài chính hiện hành.

***kết cấu của TK 821**

Bên Nợ

- Chi phí thuế thu hập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm ;

- Thuế thu nhập doanh nghệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả(Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại

phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm)

- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK8212 –"Chi phí thuế thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại " Lớn hơn số phát sinh bên nợ TK8212-" chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại " Phát sinh trong kỳ vào bên có của TK911-"Xác định kết quả kinh doanh".

Bên có

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện tại;

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm).

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911 –"Xác định kết quả kinh doanh".

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên có TK821- " Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại " phát sinh trong kỳ vào bên nợ TK911-"xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

+Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2:

- TK8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

***Trình tự hạch toán:**

⊙Hàng quý,kế toán căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

⊙Cuối năm tài chính ,căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế ,nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành .Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó ,kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

⊙ Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phải nộp của các năm trước .Doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm phát hiện sai sót.

⊙Cuối năm tài chính kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm vào tài khoản 911 –“ Xác định kết quả kinh doanh “ Để xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong năm.

- TK8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại

* Quy trình hạch toán

⊙Cuối năm tài chính ,kế toán phải xác định số thuế thu nhập hoãn lại phải trả để ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Đồng thời phải xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại để ghi nhận vào thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp (Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại)

⊙ Kế toán không được phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

⊙ Cuối kỳ ,kế toán phải kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên nợ và số phát sinh bên có TK 8212 _" Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" vào tài khoản 911 "Xác định kết quả khinh doanh"

1.3.7.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hoá ,bất động sản đầu tư và dịch vụ ,giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp,chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bất động sản đầu tư .Như chi phí khấu hao ,chi phí sửa chữa ,nâng cấp ,chi phí cho thuê hoạt động,chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư),chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính : Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác :Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác, các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Tài khoản sử dụng:TK911- " Xác định kết quả kinh doanh"

+ Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh,kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

**Công thức xác định kết quả kinh doanh.*

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch gữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán.

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữ thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

***Kết cấu của TK911-Xác định kết quả kinh doanh**

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá ,bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán ;
- Chi phí hoạt động tài chính ,chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm ,hàng hoá ,bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ ;
- Doanh thu hoạt động tài chính ,các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm thuế TNDN,
- Kết chuyển lỗ.

Sơ đồ 1.10: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

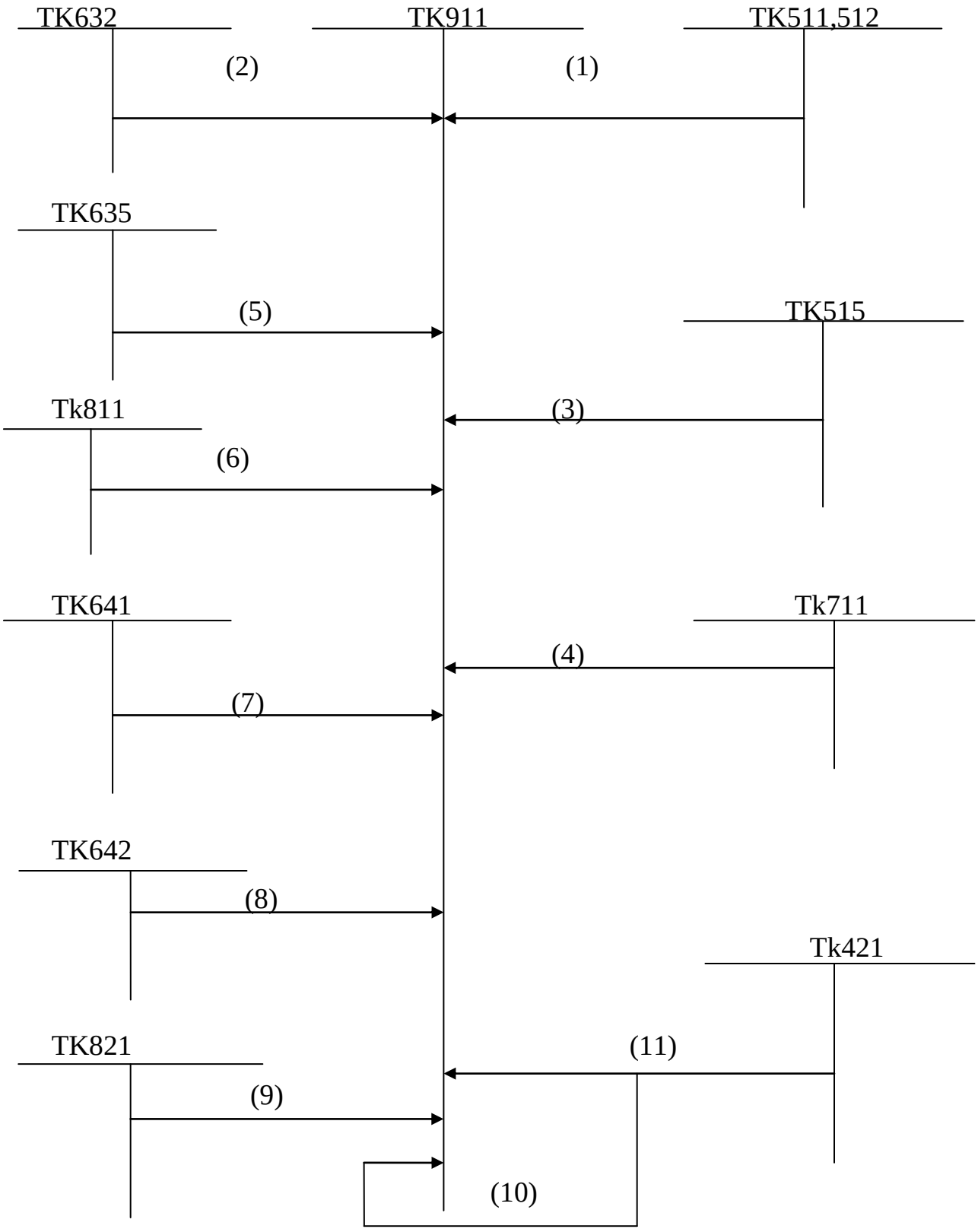

Ghi chú:

(1): Cuối kỳ kế toán kết chuyển số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

(2): Kết giá vốn của sản phẩm, hàng hoá ,dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

(3): Cuối kỳ kế toán kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

(4): Cuối kỳ kết chuyển thu nhập khác

(5): Cuối kỳ kết chuyển chi phí hoạt động tài chính

(6): Cuối kỳ kết chuyển chi phí khác

(7): Cuối kỳ kết chuyển chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

(8): Cuối kỳ kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

(9): Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(10): Tính và kết chuyển số lãi hoạt động trong kỳ

(11): Kết chuyển số lỗ hoạt động kinh doanh trong kỳ.

1.4.Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán để hạch toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Các doanh nghiệp có thể áp dụng một trong bốn hình thức kế troán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký sổ cái
- Hình thức Nhật ký chứng từ

Công ty TNHH Việt Trường áp dụng hình thức Nhật ký chung nên trong bài em xin trình bày chi tiết hơn về hình thức này.

1.4.1.Hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức này là: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế,tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký,mà trọng tâm là nhật ký chung đều phải được ghi vào sổ nhật ký,theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để nghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hình thức này gồm các loại sổ sách chủ yếu :

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái
- Các sổ,thẻ kế toán chi tiết….

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung:

(1)Hàng ngày,căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được làm căn cứ ghi sổ ,trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung,sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào sổ cái theo dõi các tài khoản kế toán phù hợp.Trường hợp đơn vị mở sổ ,thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ nhật ký chung,các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2)Cuối tháng ,cuối quý,cuối năm.cộng số liệu trên sổ cái ,bảng cân đối số phát sinh ,sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng ,số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo.

Sơ đồ 1.4.1.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

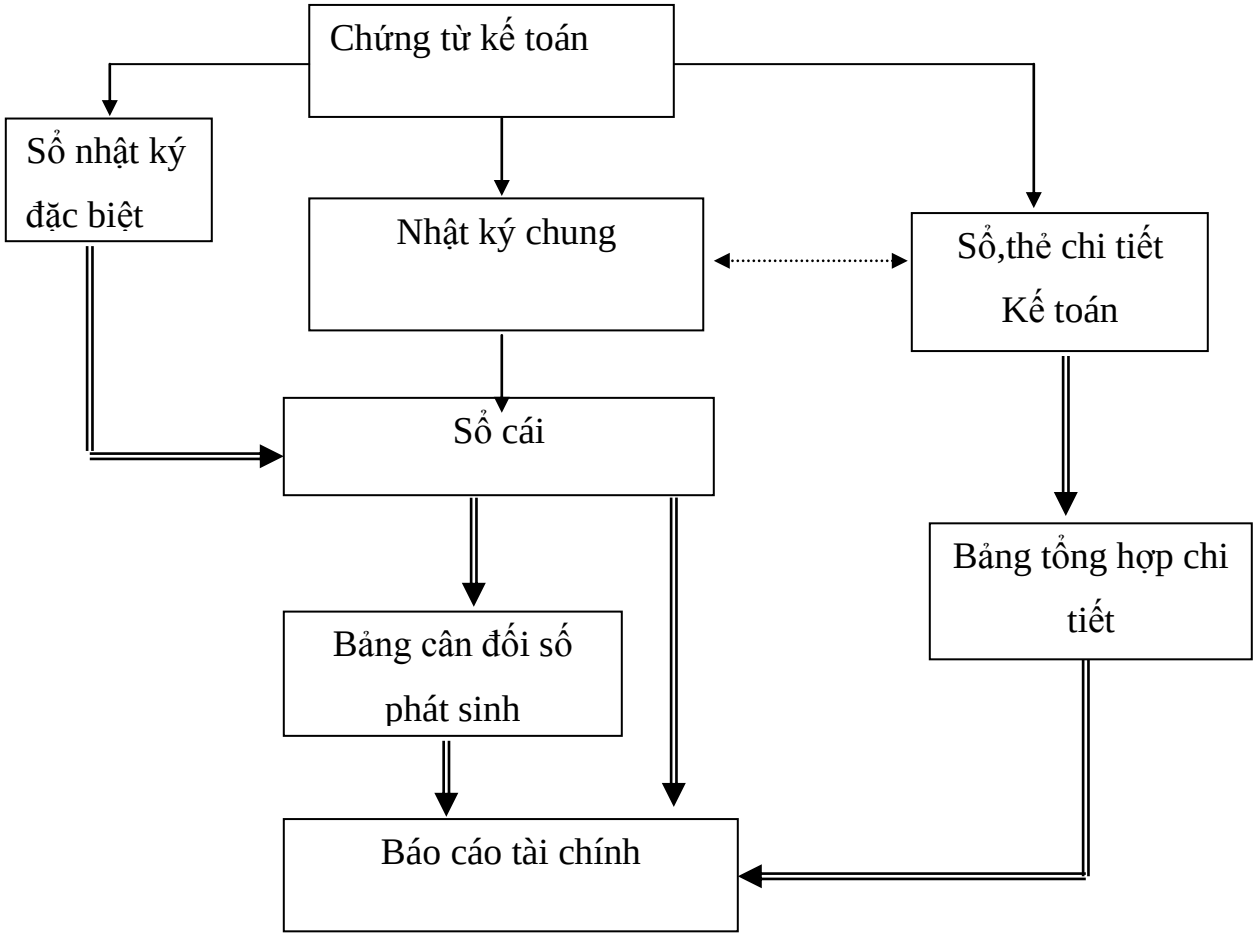

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Đối chiếu kiểm tra

Ghi cuối tháng

1.4.2.Hình thức chứng từ ghi sổ

Đặc điểm cơ bản:Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là:"chứng từ ghi sổ".Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

* Hình thức chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ

- Sổ nhật ký chứng từ ghi sổ

- Sổ cái

- Các sổ thẻ kế toán chi tiết…

* Trình tự ghi sổ kế toán.

(1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra,được dùng làm căn cứ ghi sổ ,kế toán lập chứng từ ghi sổ.Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ,sau đó được dùng để ghi sổ cái.các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi sổ,thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng,tính ra tổng số phát sinh nợ,tổng số phát sinh có và số dư cuối kỳ trên sổ cái để làm căn cứ lập bảng cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết,được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.4.3.Hình thức Nhật ký – chứng từ

-Đặc điểm cơ bản của hình thức này:

+ Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo đúng các tài khoản đối ứng nợ.

+Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với hệ thống hoá các nghiệp các nghiệp vụ theo nội bộ kinh tế .

+Kết hợp rộng việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép .

+ Sử dụng các mẫu in có sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản ,chỉ tiêu quản lý kinh tế ,tài chính và lập báo cáo tài chính.

- Các sổ sách sử dụng

+ Nhật ký chứng từ

+ Bảng kê

+ Sổ cái

+ Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

- Trình tự ghi sổ:

(1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các nhật ký chứng từ hoặc bảng kê ,sổ chi tiết liên quan .

(2) Cuối tháng khoá sổ,cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ ,kiểm tra đối chiếu số liệu trên các nhật ký chứng từ với các sổ,thẻ kế toán chi tiết ,bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các nhật ký chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái.

Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một chỉ tiêu chi tiết trong nhật ký chứng từ ,bảng kê và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

- Đặc điểm: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép theo thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật ký sổ cái ,căn cứ để ghi vào nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán,bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

-Sổ sách sử dụng :

+ Nhật ký sổ cái

+Các sổ ,thẻ kế toán chi tiết

- Trình tự ghi sổ:

(1) Hàng ngày ,kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ Nhật ký - sổ cái.

Chứng từ sau khi đã ghi sổ nhật ký sổ cái được dùng để ghi sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2)Cuối tháng ,sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào nhật ký sổ cái và các sổ thẻ kế toán chi tiết .Kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh bên nợ ,bên có của từng khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng số phát sinh cuối tháng.Căn cứ vào số phát sinh tháng trước và số phát

sinh tháng này tính ra số luỹ kế từ đầu quý đến cuối tháng ,Trên cơ sở đó tính ra số dư cuối tháng của từng tài khoản trên nhật ký sổ cái.

(3)Khi kiểm tra đối chiếu số cộng cuối tháng trong sổ nhật ký sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tổng số tiền của cột phát sinh ở phần nhật ký = Tổng số phát sinh nợ của tất cả các tài khoản = tổng số phát sinh có của tất cả các tài khoản.

Tổng số dư nợ các tài khoản = tổng số dư có các tài khoản

(4)Các sổ thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh nợ,cộng số phát sinh có và tính ra số dư cuối tháng của từng tài khoản.Căn cứ số liệu khoán sổ của các đối tượng lập bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản và đối chiếu với số phát sinh và số dư cuối tháng của từng tài khoản trên nhật ký sổ cái.

-Từ số liệu trên sổ tổng hợp chi tiết , nhật ký sổ cái sau khi đã kiểm tra ,đối chiếu khớp đúng sẽ được lập báo cáo tài chính.

1.4.5.Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Đặc điểm cơ bản: Tất cả các công việc đều được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính.

- Các loại sổ của hình thức kế toán máy: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức nào thì sổ sách được thiết kế theo hình thức đó nhưng không hoàn toàn bắt buộc giống mẫu hoàn toàn sổ kế toán ghi bàng tay hàng ngày.

- Trình tự ghi sổ:

(1) Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loai đã được kiểm tra ,được dùng làm căn cứ ghi sổ,xác định tài khoản ghi nợ,tài khoản ghi có để nhập số liệu vào máy vi tính.

(2) Cuối tháng hoặc bất kỳ vào thời điểm nào cần thiết ,kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ kế toán và lập báo cáo tài chính .việc đối chiếu kiểm tra cũng được thực hiện tự động luôn.

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU ,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG

2.1.Khái quát chung về công ty TNHH Việt Trường .

2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Việt Trường

* Thông tin chung:

Tên gọi chính : Công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Trường

Tên gọi tắt : Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ : Cụm công nghiệp Vĩnh niệm, lê chân, Hải Phòng

Số điện thoai : 0313.742863 – 742563 – 870337

Fax : 0313.742960

Email : viettruongcoltd2006@gmail.com

Website : http://www.viettruongseafood.com.vn

Số tài khoản tại ngân hàng ACB :0031.000.071876

Số tài khoản tại ngân hàng Công Thương :1020.100.003.00154

Số tài khoản tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn :2100.310.00471

Mã số thuế : 0200421340

***Quá trình hình thành và phát triển tại công ty TNHH Việt trường.**

Công ty TNHH Việt Trường Là Doanh nghiệp tư nhân ,chuyên chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu thuỷ hải sản ,được thành lập và cấp giấy phép kinh doanh số:0202000090 do sở kế hoạch và đầu tư –TP Hải Phòng cấp ngày 10 tháng 5 năm 2002.Công ty có trụ sở và cơ sở sản xuất trong khuôn viên khoảng gần 5.000m^2 tại cụm công nghiệp vĩnh niệm ,lê chân, hải phòng và chính thức bắt đầu đi vào hoạt động đầu năm 2003.

Là công ty còn non trẻ hoạt động được hơn 7 năm ,nhưng công ty đã khẳng định được chỗ đứng của mình ở cả thị trường trong nước và quốc tế,Có được điều đó chính là nhờ ý chí dám nghĩ giám làm ,sự đồng lòng chung sức của toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên trong công ty.

2.1.2.Đặc điểm của công ty TNHH việt Trường.

⊙ Đặc điểm về sản xuất

Công ty TNHH Việt trường là một doanh nhiệp chuyên chế biến vả xuất khẩu thuỷ sản .sản phẩm chính :

*Mực

- Mực ống đông lạnh sushi(frozen Squid)
- Mực tuýt (Squid Tube)
- Mực cắt khoanh (Squid Ring)
- Mực khoanh nhúng(Blanched rings squid)
- Mực nang fillet IQF (Cuttle Fish IQFF FiLLe)

*Tôm:

- Tôm Sú,tôm thẻ

Được sản xuất với các sản phẩm

- Tôm nguyên con (Hoso)
- Tôm A1 (HLSO)
- Tôm PD,tôm PUD,tôm FPD.

*Cá:

- Cá đổng quéo fillet (Amadai fillet)
- Cá hố nguyên con (Whole hair tail fish)
- Cá thu fillet (Spaish mackểl fillet)
- Cá khô(Dried fish)

*Chả cá (Grilled chopped fish);

- Chả me
- Chả xu
- Chả xương

Các mặt hàng chiến lược trong hoạt động xuất nhập khẩu gồm có tôm ,mực ,cá file và surimi.

Nguồn nhiên liệu chủ yếu cho hoạt động chế biến của doanh nghiệp được thu mua tại ngư trường Vịnh bắc bộ ,Trung bộ,Nam bộ .Để tiện cho việc thu gom ,vận chuyển nguyên liệu về xưởng chế biến,công ty còn trang bị đội xe chuyên dụng đạt tiêu chuẩn trong việc bảo quản nguyên liệu.

Việc sản xuất từ khâu nguyên liệu => Xử lý =>bao gói => bảo quản đều được kiểm soát chặt chẽ theo hệ thống quản lý chất lượng HACCP.

Ngoài vệ sinh an toàn thực phẩm thì công tác xử lý chất thải công nghiệp cũng được công ty quan tâm .Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải bao gồm bể lọc ,hố ga đảm bảo tiêu chuẩn.Chất thải rắn hay phế liệu từ chế biến cá đươc công ty đưa vào chế biến thức ăn gia súc (bột cá).

⊙Đặc điểm về hoạt động kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của côngty TNHH Việt Trường là xuất khẩu thuỷ sản tươi sống và thuỷ sản đã qua chế biến.Sản phẩm chiến lược của công ty là chả cá surimi(Chả cá).Trong các năm qua ,đây là mặt hàng được chế biến và đem xuất khẩu với số lượng lớn.Hai thị trường nhập khẩu mặt hàng này nhiều nhất là Hàn Quốc và Nhật Bản .Bên cạnh đó côntg ty còn xuất khẩu các mặt hàng khác như mực ,tôm và các loại thuỷ sản khác…

Hoạt động kinh doanh trong nướôc phần lớn là các nghiệp vụ thu mua nguyên liệu.Trong khoảng thời gian gần đây ,công ty đã đẩy mạnh hơn hoạt động kinh doanh trong nước .Tập trung cả 2 mặt xuất khẩu và nội địa nhằm hỗ trợ cho nhau cùng phát triển.

2.1.2.Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH việt Trường.

2.1.2.1.Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty.

Cơ cấu Tổ chức gọn nhẹ phù hợp với quy mô kinh doanh trung bình của công ty.Bằng mô hình này ta có thể thấy các nhiệm vụ và thông báo tổng hợp cũng như được chuyền từ lãnh đạo của công ty đến cấp dưới một cách dễ dàng.

Sơ đồ 1.1: Mô hình tổ chức của công ty TNHH Việt trường.

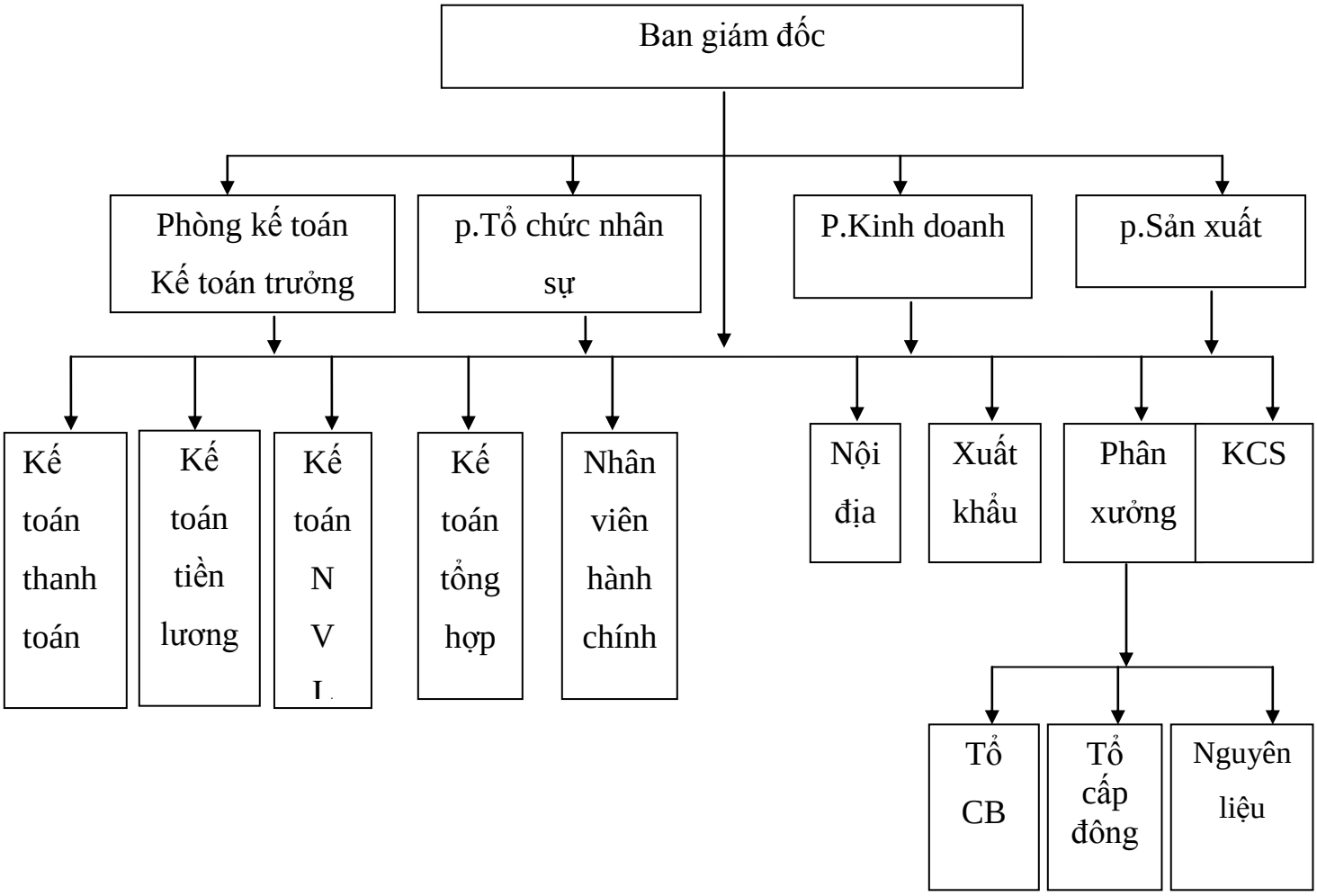

2.1.2.2 Chức năng ,nhiệm vụ của các bộ phận.

a.Ban giám đốc

Giám đốc là người chỉ đạo chung có tinh thẩm quyền cao nhất ,có nhiệm vụ quản lý toàn diện doanh nghiệp .Giám đốc là người đại diện cao cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của công ty trước pháp luật.

Phó giám đốc của công ty là người được điều hành và giám sát công việc kinh doanh của công ty ,đồng thời là người thay mặt giám đốc điều hành hoạt động của công ty khi giám đốc vắng mặt.

b.Các phòng ban

Phòng kế toán: Có chức năng tham mưu cho giám đốc về việc lập kế hoạch và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch tài chính của phòng kinh doanh và Thực hiện các

nhiệm vụ về kế toán tài chính .

Phòng kinh doanh: Giới thiệu sản phẩm ,tổ chức các hoạt động kinh doanh xuất khẩu cũng như hoạt động trong nước.

Phòng tổ chức nhân sự: Có chức năng giúp giám đốc quản lý về tổ chức nhân sự,hành chính ,quản lý chế độ người lao động ,kế hoạch đào tạo công nhân.Bên cạnh đó còn có nhiệm vụ tổ chức sinh hoạt và các hoạt động tinh thần cho công nhân viên chức của công ty.

Phòng sản xuất: Chịu trách nhiệm chỉ đạo sản xuất từ nguyên vật liệu chế biến ra các thành phẩm,sản phẩm.

Phòng KCS:Lấy mẫu phân tích hoá,quản lý chất lượng vật tư đầu vào,giám sát chất lượng thành phẩm trong suốt quá trình sản xuất nhằm đảm bảo sản phẩm do công ty sản xuất đạt tiêu chuẩn đề ra.

2.1.2.3.Một số kết quả đạt được của công ty TNHH Việt Trường trong 1 vài năm gần đây.

Công ty TNHH Việt Trường là doanh nghiệp thuộc loại vừa và nhỏ nhưng đứng đầu trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn hải phòng cũng như trong thành phố về thu mua và chế biến thuỷ sản .Bằng nội lực của bản thân và các chính sách hỗ trợ xuất khẩu của thành phố,công ty TNHH việt Trường đã không ngừng lớn mạnh và có những đóng góp to lớn cho nền kinh tế địa phương.

Mỗi năm công ty tăng nguồn ngoại tệ của thành phố từ 3 đến 4 triệu USD ,Đồng thời góp một lượng lớn thuế làm tăng ngân sách thành phố .Hiện nay công ty đang tạo công ăn việc làm cho hơn 200 công nhân viên và ngày càng mở rộng quy mô sản xuất góp phần gải quyết nhu cầu việc làm ngày càng tăng của thành phố .Chính vì vậy trong 3 năm gầm đây ,Công ty TNHH Việt Trường đã đặt được những thành tựu do thành phố công nhận như:

Cúp vàng chất lượng sản phẩm thuỷ sản

Bằng khen của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn

Bằng khen của UBND thành phố Hải phòng

Bằng khen của công đoàn thành phố hải phòng

Bằng khen của hội doanh nghiệp vừa và nhỏ

Công ty TNHH Việt Trường đã và đang khẳng định được uy tín sản phẩm của mình trong lĩnh vực Xuất khẩu thuỷ sản của Việt Nam trên trường quốc tế.

2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Việt Trường.

2.1.3.1.Đặc điểm bộ máy kế toán

*Tổ chức bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý,quy mô và địa bàn hoạt động ,bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung.Nhờ hình thức này tạo điều kiện thuận tiện cho việc kiểm tra ,chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tắc kế toán nói riêng.

Toàn bộ công tác kế toán được tiến hành tập trung tại văn phòng kế toán .Chứng từ sau khi được thu thập từ các phòng ,kiểm tra ,xử lý và gửi về phòng kế toán sẽ tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán,lập báo cáo kế toán của đơn vị.

Sơ đồ 1.2 cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Việt Trường.

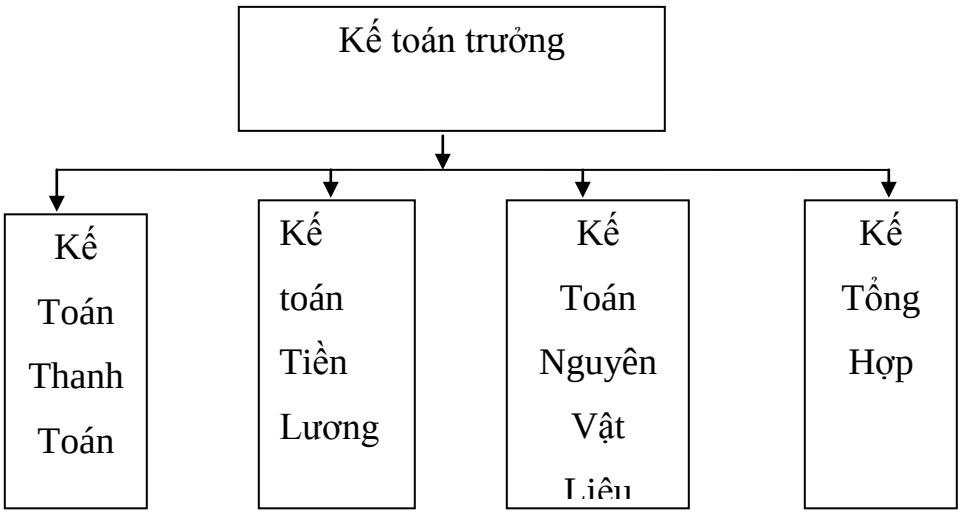

- **Kế toán trưởng**: Là người chịu trách nhiệm chỉ đạo,theo dõi,kiểm tra mọi hoạt động của bộ máy kế toán tại công ty ,lập báo cáo tài chính và phân tích tài

chính chi tiết cho giám đốc,lập hồ sơ quyết toán thuế cuối năm,làm việc với các bên liện lạc.

- Kế toán tổng hợp : là người có nhiệm tổng hợp,xử lý các số liệu trong sổ sách ,hỗ trợ kế toán trưởng trong việc lập và phân tích báo cáo tài chính.

- Kế toán tiền lương :là người có nhiệm vụ tính toán tiền lương trả cho người lao động ,tính và trích bảo hiểm xã hội ,kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định .

- Kế toán thanh toán : là người có nhiệm vụ theo dõi việc thu ,chi tiền mặt ,kiểm soát các chứng từ vào quỹ hợp lệ ,ghi sổ quỹ tiền mặt.

- Kế toán nguyên vật liệu : là người có nhiệm vụ theo dõi tình hình xuất ,tồn vật tư thành phẩm.

2.1.3.2. Hình thức tổ chức và các chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Trường.

- Kỳ kế toán :Kỳ kế toán năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Việt Nam
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng việt nam(VND)
- Hình thức sổ sách kế toán sử dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp khấu hao TSCĐ:phương pháp đường thẳng(phương pháp khấu hao đều)
- Phương pháp áp dụng tính thuế:phương pháp khấu trừ
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên ,giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp Nhập trước- Xuất trước(FIFO)
- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ trưởng bộ tài chính.

Sơ đồ 1.3 Trình tự ghi sổ kế toán của công ty TNHH Việt Trường.

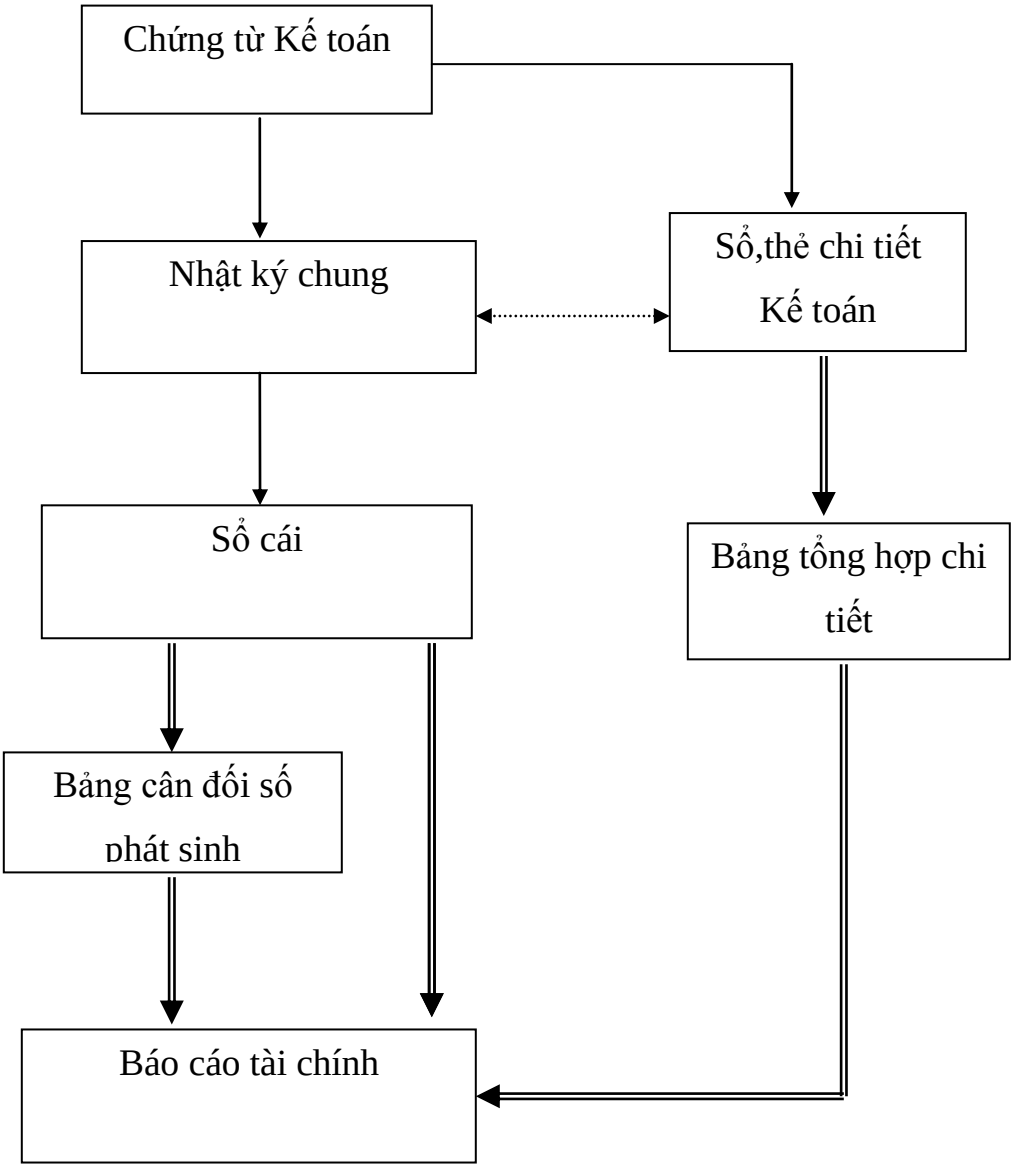

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Đối chiếu kiểm tra

Ghi cuối tháng

Hàng ngày , căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra ,được dùng làm căn cứ ghi sổ Nhật ký chung .Sau đó theo nội dung kinh tế của từng nghiệp vụ đó ,kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản và ghi sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế trong tháng trên Sổ Nhật Ký Chung ,tính ra tổng số phát sinh nợ ,tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái .Căn cứ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng ,số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Tổng số phát sinh nợ = tổng số phát sinh có trên của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh = Tổng số tiền phát sinh Sổ Nhật Ký Chung

Tổng số dư nợ = Tổng số dư có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh

Số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh =số dư của các tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối quý,cuối năm căn cứ vào số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh,kế toán lập báo cáo tài chính năm.

2.2:Thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt trường.

2.2.1:Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại công ty TNHH việt Trường

*Tại công ty TNHH Việt Trường có các phương thức tiêu thụ sau:

-Giao hàng trực tiếp :Công ty ký kết hợp đồng với bên mua,tiến hành sản xuất theo đúng đơn đặt hàng .Khi công việc hoàn thành ,công ty bàn giao sản phẩm và ghi nhận doanh thu .

-Bán lẻ cho cá nhân người sử dụng .

Doanh thu của công ty TNHH Việt Trường gồm:

-Doanh thu Bán hàng hoá: bột cá,chả cá surimi,thuỷ hải sản cá loại …

*Chứng từ sử dụng:

-Hoá đơn GTGT

-Phiếu thu

-Giấy báo có

*Tài khoản sử dụng

-TK131:Phải thu của khách hàng

- TK33311:Thuế GTGT phải nộp

-TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

-TK632: Giá Vốn bán hàng

-Các tài khoản khác liên quan

2.2.2:Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ tại công ty TNHH Việt Trường.

2.2.2.1:Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

-Hàng ngày căn cứ vàp hoá đơn GTGT ,phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan ,kế toán nhập số liệu vào sổ Nhật ký Chung các sổ chi tiết và sổ cái các TK131,TK511,TK632 và các sổ khác có liên quan.

-Cuối tháng kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ kế toán để lập bảng cân đối số phát sinh .

-Cuối năm căn cứ vào số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh ,kế toán lập báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Việt Trường được mô tả theo sơ đồ 2.1

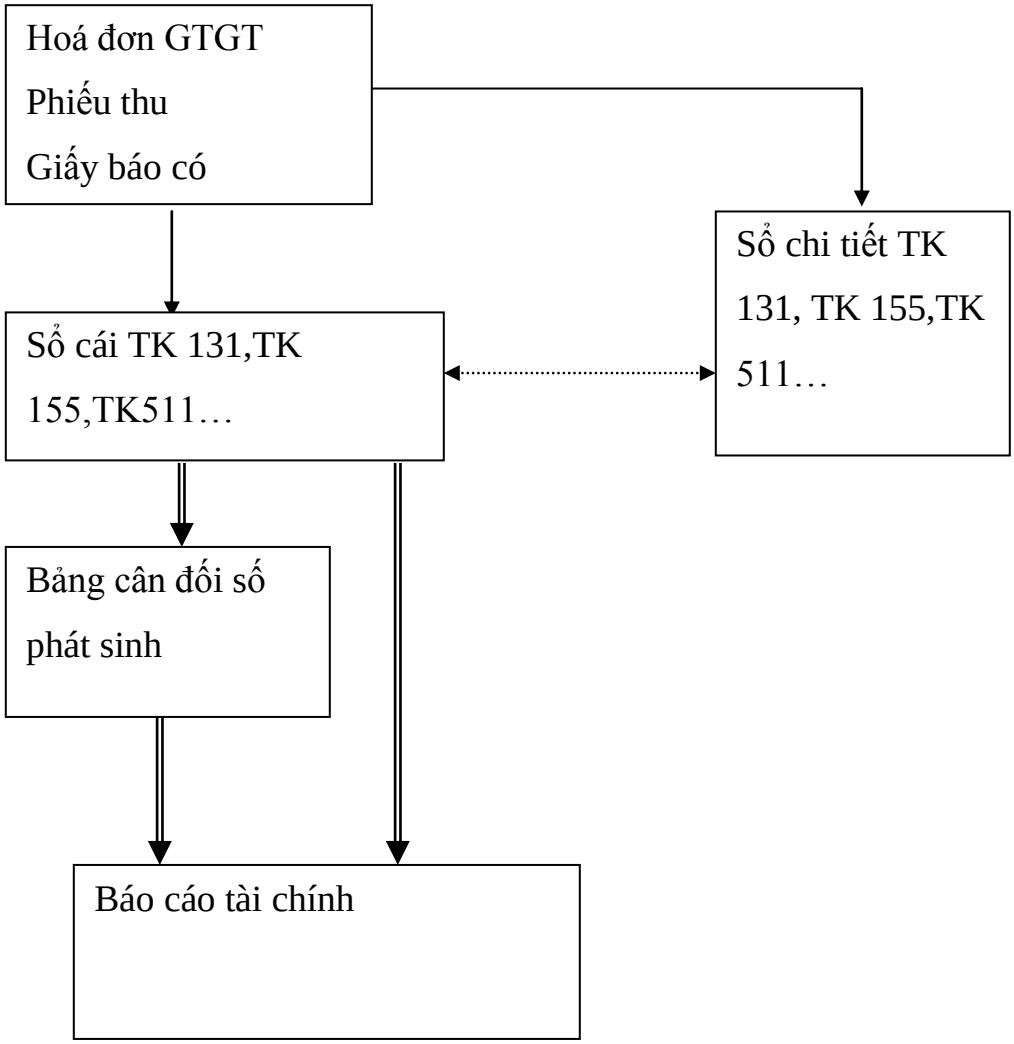

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.1:Quy trình hạch toán kế toán tiêu thụ ,Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Việt Trường.

Ví dụ về kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .

NVKTPS1:Ngày 28/12/2010, Xuất bán chả cá surimi cho công ty Thanh Hương với tổng số tiền thanh toán là:395.450.600đ(gồm cả thuế VAT).

Trình tự hạch toán:

Trước tiên ,căn cứ vào biên bản kí kết hợp đồng kế toán viết phiếu xuất kho hàng hoá,phiếu xuất kho sau khi viết xong được chuyển cho thủ kho để xuất kho hàng hoá cho khách hàng,Khi xuất kho thủ kho phải kiểm tra xem số lượng ,chủng loại hàng hoá có đúng quy định ghi trong phiếu xuất kho hay không.từ đó kế toán sẽ lập hoá đơn GTGT về bán hàng hoá.

Căn cứ vào hoá đơn GTGT và phiếu xuất kho kế toán tiến hành định khoản

Nợ TK632: 315.900.000

Có TK155: 315.900.000

Nợ TK313: 395.450.600

Có TK511: 359.500.545

Có TK3331: 35.950.054

Đồng thời ghi sổ Nhật ký chung,Sổ chi tiết TK632,sổ chi tiết TK131,sổ chi tiết TK511,Sổ cái TK 131,Sổ cái TK 632,Sổ cái TK511.

- Cuối tháng kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ kế toán để tập lập bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên sổ cái và bảng cân đối số phát sinh ,kế toán lập báo cáo tài chính năm.

HOÁ ĐƠN *Mẫu số:01 GTKT-3LL*
GIÁ TRỊ GIA TĂNG *SP/2010B*
Liên3:*Lưu nội bộ* *0097278*
Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng:Công ty TNHH Việt Trường

Địa chỉ:Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm-Lê Chân –HP

Số tài khoản:0031.000.071.876

Điện thoại:0313.742960 MS:0200421340

Họ tên người mua hàng:…….

Tên đơn vị:Công ty Thanh Hương

Đia chỉ:Sở Dầu-HB-HP

Số tài khoản:

Hình thức Thanh Toán:TM /CK MS:0200489598

STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Chả cá surimi	Kg	20.000	17.975	359.500.545

Cộng tiền hàng:359.500.545

Thuế suất thuế GTGT:10% Tiền thuế GTGT: 35.950.055

Tổng cộng thanh toán: 395.450.600

Số tiền viết băng chữ:Ba trăm chín mươi năm triệu,bốn trăm năm mươi nghìn,sáu trăm đồng.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng
(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2011

Trang:46 *Đơn vị tính:VNĐ*

Ngày tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT Dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			……					
28/12/2010	HĐ0097277	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty Phương Dung)	X	984	131	108.215.000	
28/12/2010	HĐ0097277	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty Phương Dung)	X	985	511		103.061.905
28/12/2010	HĐ0097277	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty Phương Dung)	X	986	3331		5.153.095
28/12/2010	PX508	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty Phương Dung)	X	987	632	90.890.000	
28/12/2010	PX508	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(công ty Phương Dung)	X	988	155		90.890.000
28/12/2010	HĐ0097278	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi(Công tyTNHH Thanh Hương)	X	989	112	395.450.600	
28/12/2010	HĐ0097278	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi(Công tyTNHH Thanh Hương)	X	990	511		359.500.545
28/12/2010	HĐ0097278	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	991	3331		35.950.055
28/12/2010	PX509	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	992	632	315.904.555	
28/12/2010	PX509	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	993	155		315.904.555
29/12/2010	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty TNHH Thanh Hương)	X	994	131	14.731.500	
29/12/2010	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	995	511		14.030.000
29/12/2010	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	996	3331		701.500
29/12/2010	PX510	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	997	632	9.857.047	
29/12/2010	PX510	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	998	155		9.857.047
30/12/2010	GBC715	30/12/2010	Công ty Phương Dung thanh toán tiền hàng	X	999	112	108.215.000	

30/12/2010	GBC715	30/12/2010	Công ty Phương dung thanh toán tiền hàng	X	1000	131		108.215.000
30/12/2010	PC705	30/12/2010	Chiết khấu thương mại cho công ty Phương Dung	X	1001	521	2.061.238	
30/12/2010	PC705	30/12/2010	Chiết khấu thương mại cho công ty Phương Dung	X	1002	3331	103.062	
30/12/2010	PC705	30/12/2010	Chiết khấu thương mại cho công ty Phương Dung	X	1003	111		2.164.300
			……					
			Cộng số phát sinh				69.714.652.705	69.714.652.705

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản131:Phải thu khách hàng

Đối Tượng Công ty: Công tyTNHH Thanh Hương

Loại tiền:VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn gải	TK đối ỉng	Số Phát sinh		Số Dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng					
			……..					
31/12/2010	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán các loại thuỷ sản	511	14.030.000			
31/12/2010	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán các loại thuỷ sản	3331	701.500			
31/12/2010	PT 893	30/12/2010	Công ty Thanh Hương trả tiền hàng	111		20.950.500		
			……					
			Số dư cuối tháng		798.598.500	478.562.500	320.036.000	

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG BÁN

TK155:THÀNH PHẨM

Tên Sản phẩm:Chả cá Surimi

Loại tiền:VNĐ

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	TKđối ứng	Giá Vốn bán hàng			
	SH	NT			Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			……..					
31/12/2010	PX458	12/12/2010	Xuất bán chả cá surimi	632	5.000	17.795		88.975.000
31/12/2010	PX462	15/12/2010	Xuất bán chả cá surimi	632	15.000	17.795		266.925.000
31/12/2010	PX489	21/12/2010	Xuất bán chả cá surimi	632	4.000	17.795		71.180.000
31/12/2010	PX509	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi	632	20.000	17.795		355.900.000
			……..					
			Cộng phát sinh trong tháng		106.514	17.795		1.895.416.630

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản 131-Phải thu khách hàng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		2.484.463.335	
			……			
31/12/2010	HĐ0097278	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (công ty phương Dung)	511	103.061.905	
31/12/2010	HĐ0097278	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty Phương Dung)	3331	5.153.095	
31/12/2011	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các Loại (Công ty TNHH Thanh Hương)	511	14.030.000	
31/12/2010	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty TNHH Thanh Hương)	3331	701.500	
31/12/2010	PT841	30/12/2010	Công ty Thanh Hương Trả Tiền Hàng	111		20.950.500
31/12/2010	GBC715	30/12/2010	Công ty Phương Dung thanh toán tiền hàng	112	108.215.000	
31/12/2010	PC705	30/12/2010	Chiết khấu thương mại cho công ty Phương dung	521		2.061.238
31/12/2010	PC705	30/12/2010	Chiết khấu thương mại cho công ty phương Dung	3331		103.062
			……			
			Cộng phát sinh trong tháng		5.393.865.593	5.991.914.619
			Số dư cuối tháng		1.886.414.309	

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn gải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
			……..			
31/12/2010	HĐ0097277	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(Công ty Phương Dung)	131		14.500.000
31/12/2010	HĐ0097278	28/12/2010	Xuất bán Chả cá surimi(Công ty TNHH Thanh Hương)	112		359.500.545
31/12/2010	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán Thuỷ sản các loại (Công ty TNHH Thanh Hương)	131		14.030.000
			……..			
31/12/2010	KC521	30/12/2010	Kết chuyển chiết khấu thương mại	521	98.782.300	
31/12/2010	KC511	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	4.549.432.221	
			Cộng Số phát sinh		4.648.214.521	4.648.214.521
			Số dư cuối tháng			

2.2.2.2:Kế Toán Các khoản giảm trừ Doang thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm :Hàng bán bị trả lại ,giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại .Nguyên nhân có thể do hàng bị lỗi ,sai quy cách phẩm chất do nhà sản xuất ,do khâu vận chuyển hoặc chiết khấu cho khách hàng mua với số lượng lớn và những khách hàng thân thiết của công ty .Đây là một trong những phương thức khích thích tiêu thụ hàng hoá .

⊙Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán sử dụng :TK521 –Chiết khấu thương mại

⊙Chứng từ sử dụng :Hoá đơn GTGT,Phiếu chi….

⊙Sổ sách sử dụng:

+Sổ chi tiết bán hàng

+Sổ cái 521

+Các chứng từ có liên quan.

⊙Quy trình luân chuyển chứng từ các khoản giảm trừ doanh thu :

Từ các chứng từ kế toán vào sổ Nhật Ký Chung sau đó vào sổ chi tiết bán hàng.Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán lập sổ chi tiết và sổ cái TK521.

NVKHPS:Ngày 30/12/2010 công ty Phương dung mua hàng với số lượng lớn nên được hưởng một khoản chiết khấu thương mại là 2% trên tổng tiền hàng của công ty Phương dung ngày 28/12/2010 :

Căn cứ Sổ nhật ký chung kế toán tính khoản triết khấu thương mại mà công ty dành cho công ty Phương Dung Là:

108.215. 000 x 2%=2.164.300.

Từ NVKTPS trên kế toán căn cứ vào phiếu chi 705 và nhật ký chung kế toán lập sổ cái TK521.

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số :705

Ngày 30 Tháng 12 năm 2010

Nợ TK521: 2.061.238

Nợ TK3331: 103.062

Có TK 111: 2.164.300

Họ và tên người tiền: Trần thị Việt Phương

Địa chỉ : *Công ty Phương Dung*

Lý Do chi:*Triết khấu thương mại do mua hàng thuỷ sản với số lượng lớn*

Số tiền:2.164.300

Viết bàng chữ:*Hai triệu ,một trăm sáu mươi bốn nghìn,ba trăm đồng.*

Chứng từ gốc kèm theo……..Chứng từ gốc……

Ngày 30 Tháng 12 Năm 2010

Giám đốc **Kế toán trương** **Người lập phiếu** **Người nhận tiền** **Thủ quỹ**

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên Tài khoản:Chiết khấu Thương Mại

Số hiệu:521

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày Tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
			…….			
31/12/2010	PC705	30/12/2010	Triết khấu thương mại cho công ty Phương Dung	111	2.016.238	
			……			
31/12/2010	KH511	30/12/2010	Kết chuyển triết khấu thương mại	511		95.782.300
			Cộng số phát sinh		95.782.300	95.782.300
			Số dư cuối tháng			

2.2.3: Kế toán giá vốn bán hàng tịa công ty TNHH Việt Trường.

Để hạch toán giá vốn hàng xuất bán công ty sử dụng TK632-Giá vốn hàng bán.

Trị giá vốn hàng xuất bán trong kỳ của công ty được tính theo phương pháp FiFO (Nhập trước xuất trước)

Từ NVKTPS trên:

Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho do thủ kho gửi lên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung từ sổ nhật ký chung kế toán lập sổ chi tiết giá vốn bán hàng ,căn cứ vào đó lập sổ cái TK632.

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

Phiếu xuất kho

Ngày 28 tháng12 năm2010

Số:508 *Nợ632:*

Có 155

Họ tên người nhận hàng:Nguyễn hà Anh Địa chỉ:Công ty phương Dung

Lý do xuất kho:Xuất thành phẩm đem bán Địa điểm: kho K1

STT	Tên ,nhãn hiệu,quy cách,phẩm chất vật tư,dụng cụ ,sản phẩm,hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	inhSố lượmg		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Mực ống Đông lạnh	MUC	Kg	903		99.800	90.089.000
	Cộng						90.089.000

-Tổng số tiền(Viết Bàng chữ):Chín mươi triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng12 năm2010

Số:510 *Nợ632:*

Có 155

Họ tên người nhận hàng:Nguyễn văn Minh Địa chỉ:Công ty Thanh Hương

Lý do xuất kho:Xuất bán thuỷ sản các loại Địa điểm: kho K1

STT	Tên ,nhãn hiệu,quy cách,phẩm chất vật tư,dụng cụ ,sản phẩm,hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượmg		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Mực đông lạnh	MUC	Kg	65		99800	6.487.000
2	Cá khô	CAK	KG	60		56.168	3.370.047
	Cộng						9.857.047

-Tổng số tiền(Viết Bàng chữ): Chín triệu,tám trăm năm mươi bẩy nghìn,không trăm bốn mươi bảy đồng.

Người lập phiếu (ký,họ tên)	**Người nhận hàng (ký,họ tên)**	**Thủ kho (ký,họ tên)**	**Kế toán trưởng (Ký,họ tên)**	**Giám Đốc (ký,họ tên)**

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG BÁN

TK155:Thành phẩm

Tên sản phẩm: Mực ống đông lạnh Sushi (Frozen squid)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Giá Vốn bán hàng			
	SH	NT			Số lượng	Đơn Giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			……..					
31/12/2010	PX508	28/12/2010	Xuất bán thành phẩm(công ty Phương Dung)	632	903KG	99.800		90.089.000
31/12/2010	PX510	29/12/2010	Xuất bán Thành phẩm (công ty TNHH Thanh Hương)	632	65KG	99.800		6.487.000
			……..					
			Cộng phát sinh trong tháng		7.580 KG			1.256.625.000

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Trang:46 *Đơn vị tính:VNĐ*

Ngày tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT Dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			……					
28/12/2010	HĐ0097277	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty Phương Dung)	X	984	131	108.215.000	
28/12/2010	HĐ0097277	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty Phương Dung)	X	985	511		103.061.905
28/12/2010	HĐ0097277	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty Phương Dung)	X	986	3331		5.153.095
28/12/2010	PX508	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty Phương Dung)	X	987	632	90.890.000	
28/12/2010	PX508	28/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(công ty Phương Dung)	X	988	155		90.890.000
28/12/2010	HĐ0097278	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi(Công tyTNHH Thanh Hương)	X	989	112	395.450.600	
28/12/2010	HĐ0097278	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi(Công tyTNHH Thanh Hương)	X	990	511		359.500.545
28/12/2010	HĐ0097278	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	991	3331		35.950.055
28/12/2010	PX509	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	992	632	315.904.555	
28/12/2010	PX509	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	993	155		315.904.555
29/12/2010	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại (Công ty TNHH Thanh Hương)	X	994	131	14.731.500	
29/12/2010	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	995	511		14.030.000
29/12/2010	HĐ0097279	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	996	3331		701.500
29/12/2010	PX510	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	997	632	9.857.047	
29/12/2010	PX510	29/12/2010	Xuất bán thuỷ sản các loại(Công ty TNHH Thanh Hương)	X	998	155		9.857.047
30/12/2010	GBC715	30/12/2010	Công ty Phương Dung thanh toán tiền hàng	X	999	112	108.215.000	
30/12/2010	GBC715	30/12/2010	Công ty Phương dung thanh toán tiền hàng	X	1000	131		108.215.000
30/12/2010	PC705	30/12/2010	Chiết khấu thương mại cho công ty Phương Dung	X	1001	521	2.061.238	
30/12/2010	PC705	30/12/2010	Chiết khấu thương mại cho công ty Phương Dung	X	1002	3331	103.062	
30/12/2010	PC705	30/12/2010	Chiết khấu thương mại cho công ty Phương Dung	X	1003	111		2.164.300
			……					
			Cộng số phát sinh				69.714.652.705	69.714.652.705

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản 632-Giá vốn bán hàng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số Tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
			……			
31/12/2010	PX458	12/12/2010	Xuất bán chả cá surimi	155	315.900.000	
31/12/2010	PX462	15/12/2010	Xuất bán chả cá Surimi	155	473.850.000	
31/12/2010	PX489	21/12/2010	Xuất bán chả cá surimi	155	157.950.000	
31/12/2010	PX509	28/12/2010	Xuất bán chả cá surimi	155	315.900.000	
31/12/2010	PX510	29/12/2010	Xuất bán các loại thuỷ sản	155	9.857.047	
			……..			
31/12/2010	KC632	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn bán hàng			3.904.352.464
			Công phát sinh tháng		3.904.352.464	3.904.352.464
			Số dư cuối tháng			

2.2.4.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.4.1: Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá ,cung cấp dịch vụ bao gồm :Chi phí chào bán ,chi phí bảo quản, chi phí vận chuyển,cho phí nhân viên ,chi phí dịch vụ mua ngoài,…

Tài khoản sử dụng để phản ánh chi phí bán hàng là :Tk641

⊙ Chứng từ sử dụng:

+Hoá đơn GTGT

+Hoá đơn bán Hàng

+Bảng chấm công và bảng thanh toán lương…

⊙Sổ sách sử dụng:

+Sổ chi tiết chi phí bán hàng

+Sổ nhật ký chung

+Sổ cáI TK641

NVKTPS:08/12/2010 Công ty mua bình ắc quy lắp cho xe chạy ,giá chưa có VAT 10% là 1.095.000 ,công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên ,kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT Số 0043623, phiếu chi ….Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung,lập sổ chi tiết chi phí bán hàng.Từ đó kế toán lập sổ cái TK641

HOÁ ĐƠN *Mẫu số:01 GTKT-3LL*
GIÁ TRỊ GIA TĂNG *SP/2010B*
Liên 2:Giao khách hàng *0043623*
Ngày 08 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ÁC QUY TIA SÁNG

Địa chỉ:ĐẠI LỘ TÔN ĐỨC THẮNG- HẢI PHÒNG

Số tài khoản:0016.6119.6118

Điện thoại:0313.810.215 MS:0200168458-1

Họ tên người mua hàng:……

Tên đơn vị:Công ty TNHH Việt Trường

Đia chỉ:Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm- Lê chân-Hải phòng

Số tài khoản:0031.000.071876

Hình thức Thanh Toán:TM MS:0200421341

STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Bình ác quy	Bình	1	1.095.000	1.095.000

Cộng tiền hàng:1.095.000

Thuế suất thuế GTGT:10% Tiền thuế GTGT: 109.500

Tổng cộng thanh toán: 1.204.500

Số tiền viết băng chữ:Một triệu hai trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng
(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký,ghi rõ họ tên)

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ BÁN HÀNG

Số hiệu tài khoản:TK641

Tháng 12 năm 2010

Ngày,Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng			
31/12/2010	0043623	08/12/2010	Mua bình ác quy	111	1.095.000
31/12/2010	0057656	12/12/2010	Chi phí bảo quản hàng đông lạnh	111	3.609.000
			……..		
31/12/2010		31/12/2010	Tính lương nhân viên bán hang	334	24.060.000
			……..		
			Cộng		159.985.062

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Trang: Đơn vị tính:VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT Dòng	TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng					Nợ	Có
			…….					
08/12/2010	0043623	08/12/2010	Mua bình ác quy cho xe ôtô(phục vụ bán hàng)	X	691	641	1.095.000	
08/12/2010	0043623	08/12/2010	Mua bình ác quy cho xe ôtô (phục vụ bán hàng)	X	692	133	109.500	
08/12/2010	0043623	08/12/2010	Mua bình ác quy cho xe ôtô (phục vụ bán hàng)	X	693	111		1.204.500
			……..					
12/12/2010	0057656	12/12/2010	Chi phí bảo quản hàng Đông lạnh	X	726	642	3.609.000	
12/12/2010	0057656	12/12/2010	Chi phí bảo quản hàng Đông lạnh	X	727	133	360.900	
12/12/2010	0057656	12/12/2010	Chi phí bảo quản hàng Đông lạnh	X	728	111		3.969.900
			…….					
31/12/2010	BCC T12	31/12/2010	Tính tiền lương nhân viên bán hàng Trong tháng	x	1103	641	24.060.000	
31/12/2010	BCC T12	31/12/2010	Tính tiền lương nhân viên bán hàng Trong tháng	x	1104	334		24.060.000
			……..					
			Cộng phát sinh trong tháng				69.714.652.705	69.714.652.705

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản:Chi phí bán hàng

Số hiệu:641

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư dầu tháng			
			……			
31/12/2010	0043623	08/12/2010	Mua bình ác quy cho xê ôtô	111	1.095.000	
31/12/2010	0057656	12/12/2010	Chi phí bảo quản hàng đông lạnh	111	3.609.000	
			……			
31/12/2010	BCCT12	31/12/2010	Tính tiền lương cho NV bán hàng	334	24.060.000	
31/12/2010	KC641	31/12/2010	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		159.985.062
			Cộng phát sinh trong tháng		159.985.062	159.985.062
			Số dư cuối tháng			

2.2.4.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tài khoản phản ánh các chi phí quản lý chung của doang nghiệp gồm chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp (tiền lương ,tiền công,các khoản phụ cấp …),bảo hiểm xã hội ,bảo hiểm y tế,kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp ,chi phí vật liệu văn phòng,công cụ lao động,khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,tiền thuê đất ,thuế môn bài,Dự phòng phải thu khó đòi,dịch vụ mua ngoài khác (điện nước, fax,cháy nổ…)Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách,hội nghị khách hàng….)

Để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng TK 642

⊙Chứng từ sử dụng:

+Hoá đơn GTGT

+Hoá đơn bán hàng

+Bảng chấm công,tính và phân bổ tiền lương

+Bảng thanh toán lương….

⊙Sổ sách sử dụng:

+ Sổ chi tiết Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 642

NVKTPS: Cước điện Thoại tháng 12 phục vụ quản lý doanh nghiệp là 908.500

Căn cứ vào hoá đơn GTGT tiền điên thoại kế toán vào sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp ,Nhật ký chung.Sau đó,kế toán căn cứ vào các chứng từ cùng loại lập sổ cái TK642.

VNPT

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
Telecommunication service invoice (vat)
Liên 2:Giao khách hàng

Mẫu số:01GTKT-2LN-03
Ký hiệu(Serial no):GL/2010T
Số(No):0208997

Mã số:0200287977-1

Bưu điện (*Post office*):TP.Hải phòng

Tên khách hàng(*customer's name*):Công ty TNHH việt trường Mã số:0200421340

Địa chỉ (*Address*): Cụm Công nghiệp vình niệm-lê chân –Hải phòng

Số điện thoại :0313742863 -742563 -870337 Mã bưu điện(post code):001278

Hình thức thanh toán(*Kind of payment*): TM

Dịch vụ sử dụng(Kind of service)	Thành tiền(amount) VNĐ
Tiền cước sử dụng trong tháng	908.500
Cộng tiền dịch vụ (Total)(1)	908.500
Thuế suất GTGT (VAT rate):10%x(1)=tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):	90.850
Tổng cộng tiền thanh toán	999.350

Số tiền viết bằng chữ (*in word*): *Chín trăm chín mươi chín nghìn,ba trăm năm mươi đồng.*

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Ngày 15.Tháng12 Năm 2010
Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Số hiệu tài khoản:TK642

Tháng 12 năm 2010

Ngày,Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng			
31/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền cước phí điện thoại	111	908.500
			……		
31/12/2010	0087925	18/12/2010	Mua dụng cụ văn phòng	111	1.500.000
			……..		
31/12/2010	BCCT12	31/12/2010	Tính lương nhân viên bán hang	334	36.000.000
			……..		
			Cộng		95.378.000

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Trang: Đơn vị tính:VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT Dòng	TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng					Nợ	Có
			…….					
15/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ quản lý doanh nghiệp	X	695	642	908.500	
15/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ quản lý doanh nghiệp	X	696	133	90.500	
15/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ quản lý doanh nghiệp	X	697	111		999.350
			……..					
18/12/2010	0087925	18/12/2010	Mua dụng cụ văn phòng	X	721	642	1.500.000	
18/12/2010	0087925	18/12/2010	Mua dụng cụ văn phòng	X	722	133	150.000	
18/12/2010	0087925	18/12/2010	Mua dụng cụ văn phòng	X	723	111		1.650.000
			…….					
31/12/2010	BCC T12	31/12/2010	Tính tiền lương nhân viên bán hàng Trong tháng	X	1122	642	36.000.000	
31/12/2010	BCC T12	31/12/2010	Tính tiền lương nhân viên bán hàng Trong tháng	X	1104	334		36.000.000
			……..					
			Cộng phát sinh trong tháng				69.714.652.705	69.714.652.705

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản:Chi phí Quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư dầu tháng			
			…….			
31/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại	111	908.500	
31/12/2010	0078925	18/12/2010	Mua dụng cụ văn phòng	111	1.500.000	
			……			
31/12/2010	BCCT12	31/12/2010	Tính tiền lương cho NV Quản lý	334	36.000.000	
31/12/2010	KC642	31/12/2010	Kết chuyển chi phí QLDN	911		36.000.000
			Cộng phát sinh trong tháng		95.378.000	95.378.000
			Số dư cuối tháng			

2.2.5:Kế toán doanh thu từ hoạt động tài chính.

tiết TK515,sổ nhật ký chung .Đồng thời căn cứ vào đó lập sổ cái tài khoản 515. Doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

Tài khoản sử dụng để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính :TK515

⊙Chứng từ sử dụng : Giấy báo có của ngân hàng về số lãi tiền gửi,bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty …

⊙Quy trình hạch toán:

Khi nhận được giấy báo có của ngân hàng gửi cho công ty về khoản tiền lãi ,kế toán vào sổ chi tiết TK515 ,Sổ nhật ký chung, căn cứ vào đó lập sổ cái TK515 và sổ cái TK112 về phần lãi được huởng.

NVKTPS:ngày 20/12/2010 Công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng về phần tiền lãi được nhận số tiền 1.523.066

Từ NVKTPS trên,khi nhận giấy báo có của ngân hàng về phần lãi công ty nhận được,kế toán ghi sổ chi tiết doanh thu hoạt động tài chính.

Ngân hàng: NH Á Châu
Chi nhánh : ACB – Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Số 459

Mã GDV

Mã KH: 44408

Kính gửi: **Công ty TNHH Việt Trường**

Địa chỉ khách hàng: **Cụm CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng**

Mã số thuế: **0200421340**

Số tài khoản: **0031.000.071876**

Chúng tôi thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau :

Số TK ghi có: **10031.000.071876**

Số tiền bằng số: **1.532.066**

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng

Nội dung: Lãi tiền gửi ngân hàng

Giao dịch viên

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Số hiệu tài khoản:TK515

Tháng 12 năm 2010

Ngày,Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng			
31/12/2010	GBC459	20/12/2010	Lãi tiền giửi ngân hàng	112	1.532.066
			Cộng		1.532.066

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Trang: Đơn vị tính:VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT Dòng	TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng					Nợ	Có
			…….					
15/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ quản lý doanh nghiệp	x	695	642	908.500	
15/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ quản lý doanh nghiệp	x	696	133	90.500	
15/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ quản lý doanh nghiệp	x	697	111		999.350
			……..					
20/12/2010	GBC459	20/12/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng	x	811	112	1.532.066	
20/12/2010	GBC459	20/12/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng	x	812	515		1.532.066
			…….					
31/12/2010	BCC T12	31/12/2010	Tính tiền lương nhân viên bán hàng Trong tháng	x	1122	642	36.000.000	
31/12/2010	BCC T12	31/12/2010	Tính tiền lương nhân viên bán hàng Trong tháng	x	1104	334		36.000.000
			……..					
			Cộng phát sinh trong tháng				69.714.652.705	69.714.652.705

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản:Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu:515

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư dầu tháng			
31/12/2010	GBC459	20/12/2010	Nhận lãi tiền gửi ngân hàng	112		1.532.066
31/12/2010	KC515	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.532.066	
			Cộng phát sinh trong tháng		1.532.066	1.532.066
			Số dư cuối tháng			

2.2.5.1.Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản dùng để ghi chép các chi phí phát sinh từ lãi vay ngân hàng chi phí chuyển tiền ngân hàng,lãi vay CBCNV.

NVKTPS: Ngày 23/12/2010 Chuyển khoản trả nợ cho công ty TNHH Khánh An qua ngân hàng ACB chi nhánh Duyên hải số tiền180.040.000.

Từ NVKTPS trên ,kế toán căn cứ vào giấy báo nợ qua ngân hàng gửi về kế toán lập sổ chi tiết chi phí hoạt động tài chính,lập sổ nhật ký chung, căn cứ vào đó lập sổ cái TK635.

Ngân hàng: NH Á Châu
Chi nhánh : ACB – Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 23 tháng 12 năm 2010

Số 778

Mã GDV

Mã KH: 44408

Kính gửi: **Công ty TNHH Việt Trường**

Địa chỉ khách hàng: **Cụm CN Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng**

Mã số thuế: **0200421340**

Số tài khoản: **0031.000.071876**

Chúng tôi thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau :

Số TK ghi nợ: **10031.000.071876**

Số tiền bằng số: **7500.396**

Số tiền viết bằng chữ: **B**ẩy tri ệu năm trăm nghìn ,ba trăm chín mươi sáu đồng.

Nội dung: Trả lãi tiền gửi ngân hàng

Giao dịch viên

(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Số hiệu tài khoản:TK635

Tháng 12 năm 2010

Ngày,Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng			
			…….		
31/12/2010	GBN778	23/12/2010	Trả Lãi tiền giửi ngân hàng	112	7.500.396
			……		
31/12/2010	GBN781	25/12/2010	phí chuyển tiền	112	125.000
			…….		
			Cộng		10.050.334

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2010

Trang: Đơn vị tính:VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT Dòng	TK Đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày Tháng					Nợ	Có
			…….					
15/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ quản lý doanh nghiệp	x	695	642	908.500	
15/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ quản lý doanh nghiệp	x	696	133	90.500	
15/12/2010	0208997	15/12/2010	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ quản lý doanh nghiệp	x	697	111		999.350
			……..					
20/12/2010	GBN778	23/12/2010	Trả lãi tiền gửi ngân hàng	x	853	112		7.500.396
20/12/2010	GBC459	23/12/2010	Trả lãi tiền gửi ngân hàng	x	812	635	7.500.396	
			…….					
31/12/2010	BCC T12	31/12/2010	Tính tiền lương nhân viên bán hàng Trong tháng	x	1122	642	36.000.000	
31/12/2010	BCC T12	31/12/2010	Tính tiền lương nhân viên bán hàng Trong tháng	x	1104	334		36.000.000
			……..					
			Cộng phát sinh trong tháng				69.714.652.705	69.714.652.705

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản:Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu:635

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư dầu tháng			
			…….			
31/12/2010	GBN778	23/12/2010	Trả lãi tiền gửi ngân hàng	112	7.500.396	
			……			
31/12/2010	GBN781	25/12/2010	phí chuyển tiền qua ngân hàng	112	125.000	
			……			
31/12/2010	KC635	31/12/2010	Kết chuyển TK 635	911		10.050.334
			Cộng phát sinh trong tháng		10.050.334	10.050.334
			Số dư cuối tháng			

2.2.6.Kế toán chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

+Tài khoản đẻ công ty sử dụng :TK821-"Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp "

Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên xác định đươc chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 95.299.605

Kế toán lập sổ cái TK821

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản:Chi phí thuế thu nhập nghiệp

Số hiệu:821

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn gải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2010	BC11	31/12/2010	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	95.299.605	
31/12/2010	KC821	31/12/2010	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		95.299.605
			Cộng số phát sinh		95.299.605	95.299.605
			Số dư cuối kỳ			

2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gồm:

+Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

+Kết quả hoạt động tài chính

+Kết quả hoạt động khác

Tài khoản của công ty sử dụng để phản ánh xác định kết quả kinh doanh là : TK 911 và 421

⊙Sổ sách sủ dụng

+ sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK511,632,515,635,641…

⊙Trình tự hạch toán:

Cuối tháng kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển:

+ Kết chuyển doanh thu thuần

+ Kết chuyển doanh thu từ hoạt động tài chính

+Kết chuyển thu nhập khác

+Kết chuyển giá vốn ván hàng

+Kết chuyển chi phí từ hoạt động tài chính

+Kết chuyển chi phí bán hàng

+Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

+kết chuyển chi phí khác

Nếu lãi doanh nghiệp :

+ Xác định thuế thu nhập nghiệp phải nộp

+Kết chuyển lãi

Nừu lỗ: Kết chuyển lỗ

Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên,căn cứ vào Sổ nhật ký chung và các sổ cái ,kế toán lập sổ cái TK911,Sổ cái 421

NVKTPS Kế toán xác định kết quả kinh doanh tháng 12 năm 2010

-Ngày 31/12/2010 kế toán thực hiện bút toán khoá sổ kế toán và tiến hành định khoản các bút toán kết chuyển sang tài khoản 421xác định lãi lỗ.

Nợ TK511:4.549.432.221

Có TK911:4.549.432.221

Nợ TK515:1.532.066

Có TK911:1.532.066

Nợ TK911:3.904.352.464

Có TK632:3.904.352.464

Nợ TK911:10.050.334

Có TK635: 10.050.334

Nợ TK911: 159.985.062

Có TK 641:159.985.334

Nợ TK911:95.378.000

Có Tk 642:95.378.000

Nợ TK821:95.299.605

Có TK3334:95.299.605

Nợ TK911:95.299.605

Có TK821:95.299.605

Nợ TK911:285.898.813

Có TK421:285.898.813

- Nhập số liệu vào sổ cái TK911,421.

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản:Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu:911

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn gải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2010	KC511	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu thuần	511		4.549.432.221
31/12/2010	KC515	31/12/2010	Kết chuyển doanh thu từ hoạt động tài chính	515		1.532.066
31/12/2010	KC632	31/12/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	3.904.352.464	
31/12/2010	KC635	31/12/2010	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	10.050.334	
31/12/2010	KC641	31/12/2010	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	159.985.062	
31/12/2010	KC642	31/12/2010	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	95.378.000	
31/12/2010	KC821	31/12/2010	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	95.299.605	
31/12/2010	KC421	31/12/2010	Kết chuyển lãi	421	285.898.813	
			Cộng số phát sinh		4.648.214.521	4.648.214.521
			Số dư cuối kỳ			

Công ty TNHH Việt Trường
Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm –LC-HP

Mẫu số:02-VT
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 Của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản:Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu:421

Tháng 12 năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn gải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			100.956.023
31/12/2010	KC421	31/12/2010	Kết chuyển lãi	911		285.898.813
			Cộng phát sinh			285.898.813
			Số dư cuối tháng			386.854.836

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tháng12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tháng này
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	4.468.214.521
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		95.782.300
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01- 02)	10		4.549.432.221
4.Gia vốn bán hàng	11	VI.27	3.904.352.464
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10- 11)	20		645.079.757
6.Doanh thu từ hoạt động tài chính	21	VI.26	1.532.066
7.Chi phí tàichính	22	VI.26	10.050.334
8.Chi phí bán hàng	24		159.985.062
9.chi phí quản lý doanh nghiệp	25		95.378.000
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30= 20+(21-22) – (24+25)	30		381.198.418
11.Thu nhập khác	31		
12.Chi phí khác	32		
13.Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		381.198.418
15.Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	51	VI.31	95.299.605
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	
17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		285.898.813

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(ký,họ tên)	(ký,hộ tên)	(Ký,Họ tên ,đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT TRƯỜNG.

3.1.Nhận xét đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.

Trong nền kinh tế thị trường ,nhà nước đã giao quyền tự chủ cho các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh .Tự chủ trong việc lựa chọn ngành nghề kinh doanh ,lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy quản lý,bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán ,sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp .Chủ trương đó đã giúp cho các doanh nghiệp phát huy được quyền chủ động sáng tạo trong kinh doanh,phát huy được nội lực của mình từ đó đạt được những thành công nhất định .Công ty TNHH Việt Trường đang không ngừng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác kinh doanh ,quản lý tài chính và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước ,không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên mà còn chấp hành tốt các chủ chương chính sách và pháp luật nhà nước.

Trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hoạt động bán hàng diễn ra thường xuyên ,liên tục làm nảy sinh các mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng, người lao động,giữa doanh nghiệp với các nhà đầu tư và nhà nước,Những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vai trò và tác động rất lớn đến các mối quan hệ này .Chính vì vậy mà kế toán trở thành công cụ đắc lực giúp ban giám đốc trong việc điều hành ,quản lý các hoạt động kinh tế bằng cách cung cấp chính xác kịp và đầy đủ các số liệu về kinh tế .Phân tích chúng để các nhà quản lý có được một đánh giá đúng đắn thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ,khắc phục kịp thời những tổn hại và phát huy những ưu điểm ,tiềm năng chưa được khai thác tự do ,đề ra các phương hướng quyết định sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

3.1.1.Một số ưu điểm của công ty TNHH Việt Trường.

Cùng với sự phát triển của đất nước ,công ty TNHH Việt trường đã không ngừng phấn đấu để đạt được những mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.Bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng ,đặc biệt là khâu kế toán doanh thu ,chi phí và xác đinh kết quả kinh doanh .

***Ưu điểm về công tác kế toán nói chung :**

-Về trình tự hạch toán :Kế toán công ty đã áp dụng trình tự hạch toán theo dúng chuẩn mực kế toán đã ban hành của Bộ Tài Chính.Điều đó giúp cho việc ghi sổ kế toán phù hợp hơn nhanh chóng chính xác ,phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được chính xác thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu .

-Qua thực hiện của công ty cho thấy công ty đã áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm và điều kiện hiện tại của công ty quy định mở sổ và ghi chép trên nhật ký chung ,sổ cái,sổ chi tiết tương đối chặt chẽ và khoa học ,đã kết hợp rộng rãi việc nghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nhiệp vụ theo nội dung kinh tế . Kết hợp với hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán trong cùng một quá trình ghi chép.

- Công ty luôn chấp hành đúng chính sách,chế độ kế toán tài chính của nhà nước,các chính sách về giá,chính sách thuế ,tổ chức mở sổ kế toán một cách phù hợp ,để phản ánh tình hình biến động của công tác doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã góp phần bảo vệ tài sản của công ty .

- Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ là những người có kinh nghiệm ,thông thạo chuyên môn, nhiệt tình và sáng tạo trong công việc.

-Tổ chức công tác hạch toán ban đầu :

Các chứng từ được lập tại công ty đều phù hợp với yêu cầu kinh tế phát sinh và yêu cầu pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được lập ở tất cả các khâu đều có đầy đủ chữ ký đại diện của các bên liên quan và dều sử dung mẫu quy định của bộ tài

chính.Trước khi đua vào lưu trữ ,tất cả các chứng từ đều được sắp xếp ,phân loại hệ thống theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh và theo trình tự thời gian .Với hệ thống chứng từ như vậy ,đã giúp quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng hơn tạo điều kiện cho việc ghi sổ kế toán ,đảm bảo cung cấp thông tin một cách chính xác kịp thời.

- Công ty cũng tích cực trong việc đưa máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán nhằm tăng tốc độ thông tin cung cấp và tăng hiệu quả của công tác kế toán.

***Ưu điểm về công tác kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH việt Trường.**

-Bộ máy kế toán của công ty phù hợp với các quy mô sản xuất kinh doanh của công ty.Việc phân công lao động kế toán được đẩy mạnh và dần di vào hiệu quả.Kế toán các bộ phận và kế toán tổng hợp có sự phối hợp nhịp nhàng với nhau và hỗ trợ cho nhau trong công tác kế toán .Kế toán luôn đảm bảo cung cấp thông tin một cách đầy đủ chính xác cho ban giám đốc.Đối với bộ phận kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh đã phản ánh kịp thời đầy đủ ,chính xác tình hình doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

-Kế toán doanh thu chi phí là nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty vì nó liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh ,các khoản thu nhập thực tế và phần phải nộp nhà nước .Nó còn phản ánh sự vận động của tài sản ,tiền vốn của công ty trong lưu thông.

-Kế toán đã phản ánh một cách đầy đủ các hoạt động kinh tế diễn ra liên quan đến công tác kế toán này,qua đó theo dõi chi tiết tình hình kinh doanh của từng tháng,qúi,năm.

-Sổ sách kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được ghi chép đầy đủ rõ ràng ,phản ánh cả số liệu chi tiết và số liệu tổng hợp,có kế hoạch quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.1.2.Một số tồn tại cần hoàn thiện.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên công tác kế toán tại công ty TNHH việt trường còn có những tồn tại cần khắc phục;

-Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy tính ,nhưng phòng kế toán t ại công ty vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý do đó đôi lúc chưa xử lý nhanh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh .Để phát huy được tác dụng của máy vi tính trong việc quản lý kế toán và giảm bớt khối lượng công việc kế toán,công ty nên áp dụng phần mềm kế toán Fast Book

- Phương thức thanh toán hiện nay, đa số các khách hàng của công ty đều thanh toán theo phương thức trả chậm (3 tháng đến 6 tháng) điều này,khiến cho số vốn lưu của công ty bị khách hàng chiếm dụng một cách hợp pháp dẫn hiệu quả sử dụng vốn bị giảm sút làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Chính vì thế công ty phải có biện pháp hữu hiệu để nhanh chóng thu hồi các khoản nợ nhằm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng vốn trong kinh doanh và tránh rơi vào tình trạng có những khoản nợ khó đòi làm thất thoát vốn.

-Việc phân bổ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ tại công ty chưa dựa trên tiêu thức phân bổ hợp lý,từ đó dẫn đến hạn chế tính chính xác của việc tính toán kết quả kinh doanh trong kỳ của công ty.

3.2.Một số ý kiến dề xuất nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Việt Trường.

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu tại công ty TNHH Việt Trường dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh,thu chi và xác định kết quả kinh doanh tại công ty .

+ý kiến thứ nhất - Công ty nên đưa phần mềm kế toán trong công tác hạch toán kế toán:

- Để đảm bảo cho quá trình cập nhật số liệu cung cấp thông tin được nhanh chóng chính xác ,thuận tiện và giảm bớt phần việc kế toán .Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán fast book vào công tác hạch toán kế toán tại công ty TNHH Việt Trường.

- phần mềm kế toán fast book có những ưu điểm sau Fast book tự động xử lý dữ liệu đầu vào để đưa ra các báo cáo theo chế độ như báo cáo tài chính, báo cáo thuế, hệ thống sổ sách giúp cán bộ nghiệp vụ hoàn toàn tự động hóa, không qúa bận vào cuối kỳ quyết toán, dành thời gian cho việc quản trị.

Ngoài ra phần mềm còn Đáp ứng các nhu cầu quản lý, quản trị nội bộ, Ngoài hệ thống mẫu biểu báo cáo tự động theo chế độ nhà nước, phần mềm còn đưa ra hơn 300 báo cáo khác nhau theo nhiều hình thức, nhiều điều kiện lọc giúp cán bộ nghiệp vụ, nhà quản lý có cái nhìn tổng quan về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và kiểm soát tốt hơn nguồn lực của doanh nghiệp chính vì vậy công ty nên áp dụng phần mềm kế toán trên trong hoạt động công tác kế toán của mình.

+ý kiến thứ hai - Công ty nên xây dựng và áp dụng một số biện pháp thu hồi nợ .

Đối với công ty TNHH Việt Trường số lượng vốn của công ty bị khách hàng chiếm dụng khá nhiều .Đây là điều bất lợi cho hoạt động tài chính của doanh nghiệp.Vì thế công ty phải có biện pháp hữu hiệu để nhanh chóng thu hồi các khoản nợ tránh rơi vào tình trạng có những khoản nợ khó đòi ,làm thất thoát vốn của công ty.

* Để giúp công ty nhanh chóng thu hồi lại các khoản phải thu của khách hàng ,hạn chế phát sinh các chi phí không cần thiết hoặc rủi ro công ty cần coi trọng một số biên pháp sau :

- Phải mở sổ theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu trong và ngoài doanh nghiệp thường xuyên đôn đốc để thu hồi đúng hạn.

- Có biện pháp phòng ngừa rủi ro không được thanh toán(lựa chon khách hàng ,giới hạn giá trị tín dụng ,yêu cầu đặt cọc,tạm ứng hay trả trước một phần giá trị dơn hàng…)

- Có chính sách bán chụi đúng đắn đối với từng khách hàng khi bán chịu phảI xem xét kỹ khả năng thanh toán của khách hàng trên cơ sở hợp đồng kinh tế đã ký kết.

- Có sự rằng buộc chặt chẽ trong hợp đồng bán hàng ,nếu vượt quá thời gian thanh toán thì công ty được thu lãi xuất tương ứng với lãi suất quá hạn của ngân hàng.

- Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán :

* Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm hơn so với quy định.

- Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp .Căn cứ vào từng khách hàng thanh toán nợ cho công ty đầu tháng sau trả tiền của tháng trước trong vòng 15 ngày ,công ty có thể xác định mức chiết khấu theo thời gian cụ thể :+Nếu khách hàng thanh toán tiền từ 2 đến 4 ngày của tháng sau thì được hưởng mức chiết khấu 2 %.

+Nếu khách hàng trả tiền từ 5 đến 10 ngày của tháng sau thì được hưởng mức triết khấu 1%.

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý ,công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 " Chi phí tài chính".

Hàng tháng kế toán ,tổng hợp căn cứ vào chứng từ ghi chép các khoản chiết khấu thanh toán dành cho từng khách hàng đinh khoản như sau:

Nợ TK635

Có TK131-A

* Ví dụ:Ngày 12/12/2010 công ty Thanh Hương mua hàng với tổng giá thanh toán là 39.850.000 đến ngày 4/1/2010 công ty Thanh Hương thanh toán tiền hàng nên được hưởng phần chiết khấu 2% trên tổng tiền hàng thanh toán:

2% X 39.850.000 =797.000

Kế toán đinh khoản như sau: Nợ TK 635:797.000

Có TK 131:797.000

- Phân loại các khoản nợ quá hạn ,tìm nguyên nhân của từng khoản nợ (khách quan hay chủ quan) để có biện pháp xử lý thích hợp như gia hạn nợ ,thoả ước xử lý

nợ,xoá một phần nợ cho khách hàng hoặc yêu cầu toà án kinh tế giải quyết theo thủ tục kinh tế của pháp luật.

+ý kiến thứ ba: Cần phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo số Giá trị hàng đã xuất bán trong kỳ.

-Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí gián tiếp nhưng lại chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng chi phí.Đây là lý do quan trọng kiến kết quả kinh doanh của công ty bị giảm đáng kể do vậy phải tăng cường quản lý chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

-Công thức xác định :

+ Chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ:

$$C_{Bh} = \frac{\text{Trị gía hàng đã xuất bán trong kỳ}}{\text{Trị gía số hàng tồn kho trong kỳ}} \times \text{Tổng chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ}$$

Ghi chú:

C_{BH} : Chi phí bán hàng thực tế pát sinh trong kỳ

Ví dụ:

Tổng chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ là:159.985.062

Trị giá hàng đã xuất bán trong kỳ là: 4.549.432.221

Tổng trị giá hàng tồn kho trong kỳ là:6.046.420.950

$$\textit{-Chi phí bán thực tế phát sinh trong kỳ:} \frac{4.549.432.221}{6.046.420.950} \textit{ x 159.985.162=120.375.616}$$

+Chi phí quản lý doanh nghiệp.

$$C_{QL} = \frac{\text{Trị gía hàng đã xuất bán trong kỳ}}{\text{Trị gía số hàng tồn kho trong kỳ}} \times \text{Tổng chi phí quản lý phát sinh trong kỳ}$$

Ghi chú:

C_{QL} : Chi phí quản lýthực tế pát sinh trong kỳ

Ví dụ:

Tổng chi phí quản lýphát sinh trong kỳ là:95.378.000

Trị giá hàng đã xuất bán trong kỳ là: 4.549.432.221

Tổng trị giá hàng tồn kho trong kỳ là:6.046.420.950

$$\text{-Chi phí QLthực tế phát sinh trong kỳ:} \quad \frac{4.549.432.221}{6.046.420.950} \times 95.378.000 = 71.764.065$$

Việc xác đúng chí kinh doanh sẽ giúp cho công ty giảm lượng:

- Chi phí bán hàng là: *159.985.162-120.375.616=39.609.546*
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: *95.378.000-71.764.065=23.613.935*

Trên cơ sở đó tính toán được chính xác doanh thu thực tế phát sinh trong kỳ kinh doanh từ đó có những biện pháp kiểm soát chặt chẽ mọi chi phí phát sinh trong kỳ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm thiểu chi phí phát sinh trong kỳ tại công ty.

3.3.Một số vấn dề khác:

-Trong môi trường kinh doanh hiện nay có sự cạnh tranh gay gắt .Song hành với những cơ hội là những thách thức ,rủi ro có thể xảy ra bất cứ lúc nào đối với doanh nghiệp .việc mỗi doanh nghiệp phải có những sách lược riêng của mình để hạn chế tới mức thấp nhất khả năng rủi ro là điều tất yếu.Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .Ngoài nhiệm vụ chính là hạch toán ,cung cấp thông tin liên quan và đưa ra kết quả cuối cùng cho ban lãnh đạo thì kế toán cũng có thể đưa ra những ý kiến góp phần nâng cao kết quả kinh doanh của doanh nghiệp .Kế toán có thể căn cú từ những thông tin số liệu để đưa ra những nhận xét về tình hình tiêu thụ sản phẩm trong kỳ,tình hình nợ phải thu của khách hàng…đang ở tình trạng

tốt hay ,hay không tốt từ đó có những gải pháp giúp lãnh đạo doanh nghiệp có quyết định phù hợp hơn.

- Hiên nay trong thực tế những qui định trong chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán thường xuyên thay đổi ,chính vì vậy đồi hỏi kế toán tại mọi doanh nghiệp phải nắm bắt kịp thời những thay đổi đó cho phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Kế toán cần cập nhật những mẫu biểu theo chế dộ kế toán hiện hành(Theo mẫu biểu số 02- VT ban hàng theo quyết định số QĐ15/2006-BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính).

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế thi trường ,các doanh nghiệp chủ động hoạt động kinh doanh hạch toán độc lập thì việc kinh doanh của doanh nghiệp cũng không dễ dàng thuận lợi do có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp ,các thành phần kinh tế khác .Mỗi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển,giữ vững được uy tín của mình và đứng vững trên thương trường đòi hỏi phải có các chính sách biện pháp trong điều hành và quản lý kinh doanh.Để thực hiện được điều đó,công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng một vai trò cực kỳ quan trọng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kế toán trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều gắn với hoạt động tài xuyên suốt các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh .Kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh là kết quả tài chính của doanh nghiệp .Do đó công tác kế toán có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ,nhất là kế toán doanh thu ,chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Qua cơ sở lý luận đã học tại trường và qua tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH việt Trường em đã hoàn thành khoá luận của mình dưới sự hướng dẫn tận tình của cô giáo thạc sĩ Trần thị thanh Thảo và các cô chú ,anh chị tronh phòng kế toán của công ty.

Mặc dù đã có nhiều cố giắng nhưng do trình độ lý luận của bản thân còn hạn chế ,tiếp xúc với thực tế chưa được nhiều .Do đó những vấn đề nêu trong bài khoá luận còn nhiều thiếu sót ,em rất mong nhận được sự góp ý ,bổ sung của cá thầy cô giáo trong bộ môn ,các cô chú,anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH Việt Trường để bài khoá luận của em hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Nguyễn Thị Dương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình kế toán Doanh nghiệp – Học viện Tài Chính.
2. Bộ Tài Chính, Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, NXB Tài Chính Hà Nội.
3. Lý thuyết và thực hành kế toán Tài chính – PGS – TS . Nguyễn Văn Công.
4. Giáo trình Quản trị doanh nghiệp, PSG-TS. Nguyễn Đình Kiệm, TS Trương Thị Thúy, NXB Thống Kê Hà Nội – 2003.
5. Một số bài khóa luận của anh chị khóa trước.
6. Sổ sách chứng từ kế toán và một số tài liệu của Công ty TNHH Việt Trường, và một số tài liệu khác.